

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BAO BÌ VINH

**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN
2022**



THÔNGIỆP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi Quý cổ đông, khách hàng, đối tác và toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty cổ phần Nhựa bao bì Vinh.

Trải qua hơn 20 năm hình thành và phát triển, đến nay chúng ta có thể tự hào rằng Nhựa, Bao bì Vinh là một trong những nhà sản xuất bao bì nhựa uy tín trên thị trường Việt Nam hiện nay. Thành công đó đến từ những giá trị cốt lõi cốt lõi mà chúng ta luôn đi theo từ những ngày đầu thành lập. Đó chính là nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn, chú trọng cải tiến sản phẩm và hơn hết phương châm luôn lấy khách hàng làm trung tâm đã giúp Công ty lớn mạnh như ngày hôm nay.

Thưa Quý vị

Năm 2022, kinh tế - xã hội nước ta diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới đang phải đối mặt với những thách thức to lớn, biến động nhanh, khó lường và tính bất ổn cao; lạm phát đã tăng lên mức cao nhất trong nhiều thập kỷ buộc các quốc gia phải thắt chặt chính sách tiền tệ. Cuộc xung đột Nga - Ukraine tiếp tục khuấy đảo thị trường năng lượng và thực phẩm. Dịch Covid-19 trên thế giới tiếp tục diễn biến khó lường. Tổ chức y tế thế giới tiếp tục cảnh báo về sự lưu hành hơn 500 biến thể phụ của Omicron. Tại Việt Nam, dịch Covid-19 được kiểm soát, tiến độ tiêm vắc xin Covid-19 tiếp tục được đẩy nhanh đảm bảo an toàn, khoa học và hiệu quả. Mặc dù trước làn sóng kinh tế-xã hội khó khăn nhưng nền kinh tế nước ta trong năm qua đã có sự phục hồi mạnh mẽ, kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát trong tầm kiểm soát. Theo báo cáo của Tổng cục Thống kê, lần đầu tiên quy mô GDP của Việt Nam đạt 409 tỷ USD. Ước tính GDP năm nay tăng 8,02%

so với năm trước do nền kinh tế được khôi phục trở lại và đạt mức tăng cao nhất trong giai đoạn 2011 - 2022. Chỉ số giá tiêu dùng cả năm 2022, CPI tăng 3,15% so với năm 2021, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra.

Tuy nhiên, nhìn chung các doanh nghiệp sản xuất bao bì nhựa đều đối mặt với không ít những thách thức tiêu biểu như đứt gãy chuỗi cung ứng trong kinh doanh, khó khăn trong tiếp cận khách hàng mới, hạn chế triển khai được kế hoạch bán hàng và đảm bảo an toàn nơi làm việc trong năm vừa qua. Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì Vinh cũng không nằm ngoài những tác động tiêu cực này nhưng với sự chủ động thích nghi với khó khăn và sự dẫn dắt của Ban lãnh đạo Công ty đã giúp hoạt động kinh doanh được duy trì ở con số ấn tượng trong một năm đầy sóng gió. Doanh thu thuần năm 2022 đạt gần 995 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt trên 27 tỷ đồng. Trong tình hình đó, toàn thể

ban lãnh đạo cùng cán bộ nhân viên công nhân của công ty đã không ngừng cố gắng, nỗ lực để vượt qua những khó khăn, thách thức nắm bắt được những thuận lợi của thị trường để gia tăng sản lượng, đầu tư thêm các máy móc thiết bị. Tầm nhìn của công ty trong thời gian tới đó là phấn đấu trở thành đơn vị mạnh về sản xuất bao bì. Để làm được điều này, chúng ta phải luôn cố gắng nỗ lực không ngừng trong từng yếu tố như: con người, máy móc thiết bị và lấy con người làm trung tâm trong mọi công đoạn của quá trình sản xuất. Người lao động quyết định chất lượng, người lao động cũng chính là nhân tố quyết định khách hàng. Do đó công ty không ngừng có các chương trình đào tạo người lao động giúp họ nâng cao tay nghề và hỗ trợ trong những giai đoạn khó khăn như năm vừa qua.

Bước sang năm 2023, nền kinh tế toàn cầu mặc dù sẽ gặp những khó khăn, biến động lớn nhưng dự kiến sẽ

bước đầu kiểm soát được khủng hoảng và lạm phát. World Bank dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam năm 2023 là 6,3%. Đây là mức dự báo tăng trưởng cao thứ 2 trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Các hiệp định thương mại mà Việt Nam tham gia đều bao gồm các đối tác quan trọng với ngành nhựa Việt Nam cả về nguyên liệu nhập khẩu và sản phẩm xuất khẩu. Sau khi EVFTA đi vào hiệu lực, thuế quan của hầu hết các sản phẩm nhựa xuất khẩu vào thị trường EU sẽ được gỡ bỏ. Đây sẽ là một lợi thế lớn để gia tăng sản lượng sản phẩm nhựa xuất

khẩu của ngành nhựa Việt Nam với một thị trường quan trọng là EU.

Chúng tôi tin tưởng rằng với sự sát cánh đồng tâm hiệp lực của toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty cổ phần Nhựa - Bao bì Vinh chúng tôi sẽ đạt được sự tăng trưởng bền vững không chỉ năm tới mà còn cả một quá trình dài sau này nữa. Chúng tôi một lần nữa xin cảm ơn quý cổ đông, các nhà đầu tư cũng như những khách hàng đã gắn bó với chúng tôi, luôn tin tưởng vào những giá trị cũng như sản phẩm mà công ty mang lại và hy vọng trong

những năm tiếp theo chúng tôi vẫn nhận được sự ủng hộ quý giá này từ quý vị.

Xin chân thành cảm ơn!

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngô Quang Việt

MỤC LỤC

1. Thông điệp của chủ tịch HĐQT
2. Một số chỉ tiêu chính
2. Tầm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin chung
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
4. Giới thiệu Ban lãnh đạo
5. Định hướng phát triển
6. Các rủi ro

B. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tổ chức và nhân sự
3. Tình hình tài chính

C. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá của BGD về mọi mặt hoạt động của công ty
2. Phương hướng phát triển năm 2023

D. BÁO CÁO CỦA HĐQT

1. Đánh giá của HĐQT về mọi mặt hoạt động của công ty
2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của BGD
3. Kế hoạch, định hướng của HĐQT

E. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị
2. Ban kiểm soát
3. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan

F. PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

G. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHÍNH

Chỉ tiêu	Đơn vị	2018	2019	2020	2021	2022
Kết quả hoạt động kinh doanh						
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	35.17	89.72	914.98	1026.87	994.52
Giá vốn hàng bán	Tỷ đồng	43.58	901.70	829.83	940.40	901.90
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	87.87	88.02	85.16	86.47	92.61
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	27.88	28.47	27.67	28.11	27.26
Bảng cân đối kế toán						
Tổng tài sản	Tỷ đồng	486.36	502.68	423.29	434.04	459.48
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	111.69	125.45	133.48	142.22	150.18
Nợ phải trả	Tỷ đồng	374.66	377.20	289.80	291.83	309.29
Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu						
Tỷ suất sinh lợi trên vốn cổ phần (ROE)		25.80%	24.01%	21.37%	20.39%	18,65%
Tỷ suất sinh lợi trên tổng tài sản (ROA)		6.15%	5.76%	5.98%	6.56%	6,10%
Chỉ tiêu cho một đơn vị cổ phiếu						
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành cuối kỳ	Cổ phiếu	7,499,960	7,499,960	7,499,960	7,499,960	7,499,960
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VNĐ	2,951	2,976	2,584	2,625	2,886



TỔNG DOANH THU THUẦN NĂM 2022

994,52

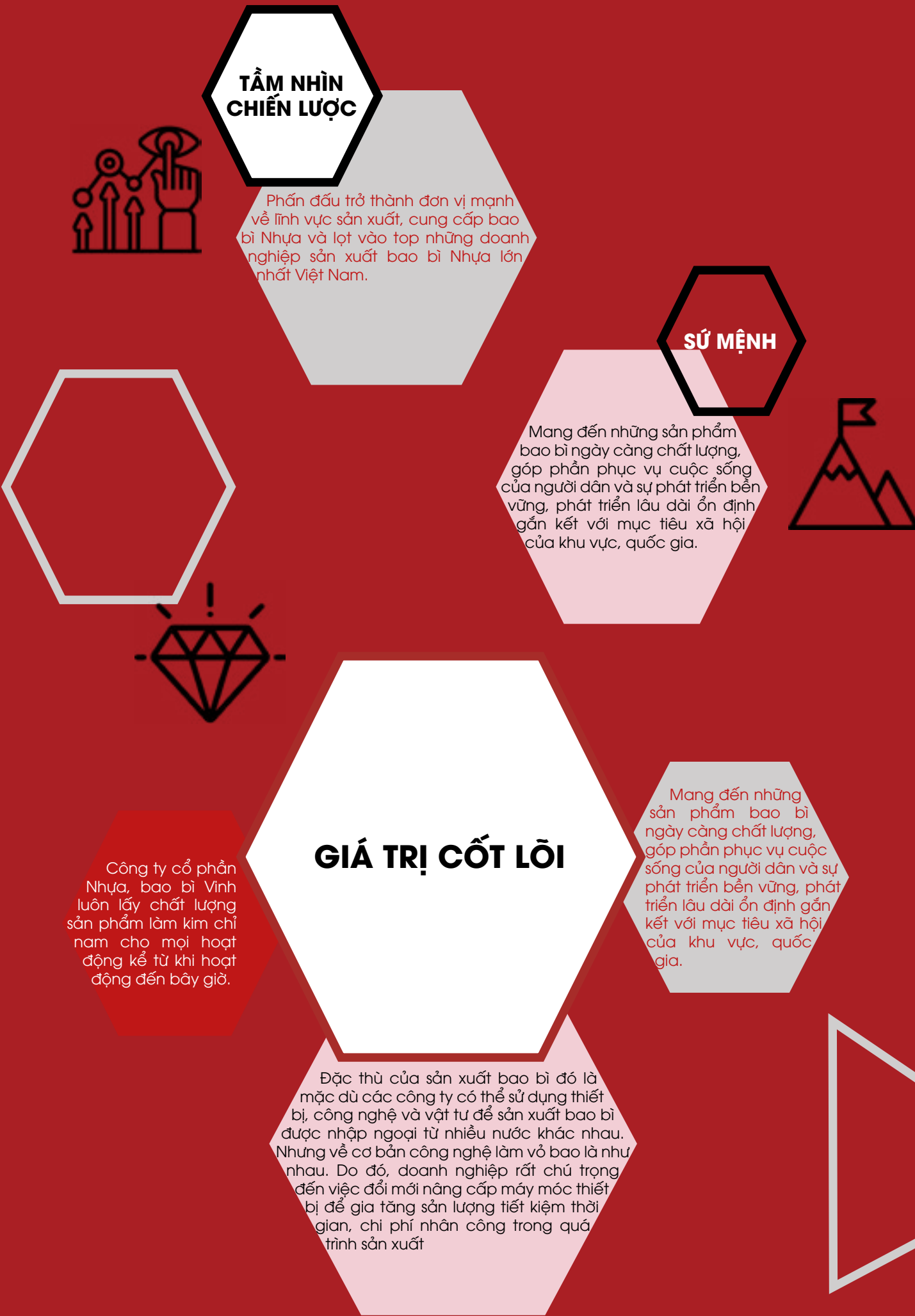
Tỷ đồng



LỢI NHUẬN SAU THUẾ NĂM 2022

27,26

Tỷ đồng



A.

THÔNG TIN CHUNG

1. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
2. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
3. Giới thiệu Ban lãnh đạo
4. Vị thế
5. Định hướng phát triển
6. Các rủi ro

THÔNG TIN CHUNG

Tên Công ty	CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BAO BÌ VINH
Tên tiếng Anh	VINH PLASTIC BAGS JOINT STOCK COMPANY
Trụ sở chính	Số 18, đường Phong Định Cảng, phường Bến Thủy, TP. Vinh, Nghệ An
Điện thoại	0238 385 5524
Fax	0238 385 6007
Email	nhuabaobivinh@gmail.com
Website	www.nhuabaobivinh.com

MÃ CỔ PHIẾU	VỐN ĐIỀU LỆ	VỐN ĐẦU TƯ
VBC	74,999 tỷ đồng	150,17 tỷ đồng

LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN



Năm 1996: Công ty Cổ phần Nhựa - Bao bì Vinh tiền thân là Nhà máy Nhựa Bao bì thuộc Công ty Hợp tác kinh tế - Quân khu 4, được thành lập theo quyết định số 1531/QĐ/QP ngày 31 tháng 8 năm 1996 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng



Năm 2002: Bộ Quốc phòng phê duyệt phương án thí điểm chuyển Nhà máy Nhựa Bao bì thuộc Công ty Hợp tác kinh tế thành Công ty Cổ phần Nhựa - Bao bì Vinh theo Quyết định số 144/2002/QĐ-BQP của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng

LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN



01/01/2003: Công ty Cổ phần Nhựa - Bao bì Vinh đi vào hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần với vốn điều lệ ban đầu là 14 tỷ



Năm 2006: Công ty tăng vốn điều lệ lên 15 tỷ đồng thông qua phát hành cho cổ đông hiện hữu



Năm 2008: Công ty tăng vốn điều lệ lên 18,983,640,000 đồng thông qua phát hành cổ phiếu thường cho cổ đông hiện hữu.



Ngày 04/02/2010 Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội đã có Quyết định số 66/QĐ-SGDHN về việc chấp thuận niêm yết cổ phiếu Công ty Cổ phần Nhựa - Bao bì Vinh (mã chứng khoán: VBC) tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
Ngày 17/03/2010 là ngày giao dịch đầu tiên cổ phiếu VBC.



19/1/2011, 1,101,625 cổ phiếu của Công ty được niêm yết bổ sung trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội ngày, nâng tổng khối lượng niêm yết lên 29,999,890,000 đồng.
Tháng 8/2011, công ty mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh bằng việc chính thức đưa vào hoạt động Nhà máy sản xuất bao bì cơ sở II tại Gia Lách, Nghi Xuân Hà Tĩnh với tổng vốn đầu tư 54 tỷ đồng.



Công ty phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu nâng số vốn điều lệ lên 74,999,720,000 đồng.

1. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH



Các sản phẩm dịch vụ kinh doanh chính

Nhóm sản phẩm bao bì các loại

- Bao bì xi măng, bao kp, pk:

Vỏ bao kp, pk là loại sản phẩm bao đóng xi măng có trọng lượng 50 kg. Bao gồm 1 hoặc 2 lớp giấy Kraft và 1 lớp vải dệt bằng nhựa PP. Sản phẩm có độ bền cao và chống được ẩm, bảo quản tốt xi măng trong quá trình vận chuyển và lưu kho.

- Bao bì PP:

Bao bì PP dệt đóng gói các sản phẩm đóng gói thức ăn chăn nuôi, nông sản, phân bón, bột đá... theo yêu cầu của khách hàng về thông số kỹ thuật và chất lượng.

- Bao bì OPP, BOPP:

Đa dạng kiểu dáng, màu sắc, hình ảnh là dạng túi PP dệt được ghép với màng BOPP.

- Bao bì PE:

Trong suốt, hơi có ánh mờ, có bề mặt bóng láng, mềm dẻo; Chống thấm nước và hơi nước tốt; Chống thấm khí O₂, CO₂, N₂ và dầu mỡ đều kém; Chịu được nhiệt độ cao (dưới 230o C) trong thời gian ngắn.

- Bao Jumbo, Sling (FIBC):

Vỏ bao Jumbo, Sling là loại bao đựng hàng có kích thước lớn, có thể đựng với khối lượng 1 tấn - 1,5 tấn - 2 tấn trong một vỏ bao, có khả năng chống ẩm, chịu lực lớn khi vận chuyển.

- Hạt nhựa PP:

Nhựa Polypropylene (PP), có tính bền cơ học cao, khá cứng, trong suốt, độ bóng bề mặt cao cho khả năng in ấn cao, nét in rõ. Ngoài ra có tính chất chống thấm O₂, hơi nước, dầu mỡ và các khí khác.

- Hạt nhựa HDPE, LDPE, LLDPE:

Polyetylen (tiếng Anh: polyethylene hay polyethene; viết tắt: PE), là một nhựa nhiệt dẻo (thermoplastic) được sử dụng rất phổ biến trên thế giới. Polyetylen là một hợp chất hữu cơ (poly) gồm nhiều nhóm etylen CH₂-CH₂ liên kết với nhau bằng các liên kết hydro no Polyetylen được điều chế bằng phản ứng trùng hợp các monome etylen (C₂H₄). Nhựa PE có ba nhóm quan trọng nhất là HDPE; LDPE; LLDPE

- Hạt nhựa tái sinh PP:

Đây là nhựa cũ được tái sinh ra loại sản phẩm nhựa khác. Nhựa thu gom lại sẽ được phân loại và tái chế riêng theo từng quy trình khác nhau để tạo ra hạt nhựa tái sinh.

Hạt nhựa tái sinh PP sau khi tái chế sẽ được dùng để dệt thành các bao bì nhựa với kích cỡ lớn

Nhóm sản phẩm các loại hạt

ĐỊA BÀN KINH DOANH

Với phương châm

1. Khách hàng quyết định sự thành công của Công ty
2. Chất lượng sản phẩm là nhân tố quyết định khách hàng
3. Người lao động quyết định hai nhân tố trên

Thực hiện tôn chỉ trên nên trong thời gian vừa qua sản phẩm của Công ty đã đứng vững và phát triển trong nước và thị trường Quốc tế



Thị trường trong nước

Hiện công ty là đơn vị cung cấp vỏ bao KP, KPK, bao Jumbo, Sling lớn cho các nhà máy sản xuất xi măng như: Xi măng Nghi Sơn; Xi măng Sông Gianh; Xi măng Bút Sơn; Xi măng Thành Thắng; Xi măng Hoàng Mai... với sản lượng từ 100 - 120 triệu vỏ bao xi măng/năm và 2.400.000 bao Jumbo, sling/ năm. Công ty hiện nay cũng đang cung cấp các sản phẩm bao PP, OPP cho các nhà máy sản xuất phân bón, sản xuất đường và bao phục vụ cho ngành nông nghiệp như: Đạm Ninh Bình; Phân bón Lâm Thao; Phân bón Bình Điền; Nhà máy đường Thạch Thành; Đường Quỳnh Hợp; Nhà máy bột sắn Thanh Chương...

Thị trường quốc tế:

Sản phẩm bao Jumbo; Sling; Bao PP; OPP; PK của Công ty đã có mặt tại thị trường New Zealand, Nhật Bản, Hàn Quốc, Mỹ, Fiji, Singapore, Thái Lan, Philippines, Malaysia, Cameroon... và được thị trường đánh giá cao về chất lượng sản phẩm cũng như tiến độ giao hàng.

NĂNG LỰC SẢN XUẤT

Tại Việt Nam, VBC đang sở hữu 3 nhà máy sản xuất với công suất lớn và thường xuyên cải tiến để đáp ứng nhu cầu khách hàng



Nhà máy sản xuất bao PP, OPP: Công suất đạt 500 tấn SP/ tháng.



Nhà máy sản xuất bao KP; KPK: Công suất đạt 140.000.000 bao xi măng/1 năm.



Nhà máy sản xuất bao Jumbo, Sling): Công suất đạt 500 tấn SP/ tháng.

Quy trình sản xuất



Cung đoạn Tạo sợi
Từ nguyên liệu chính là hạt nhựa PP nguyên sinh, qua hệ thống thiết bị kéo thành sợi, sẽ được đun nóng chảy và kéo thành các cuộn sợi, nhập kho bán thành phẩm và xuất sang dệt ở cung đoạn tiếp theo.



Cung đoạn tráng màng:
Từ nguyên liệu đầu vào là màng dệt, giấy Kraft, hạt tráng PP dùng máy tráng ép nóng chảy ở nhiệt độ cao cán ép nóng giấy dính vào màng dệt tạo thành màng tráng KP phức hợp hoặc màng tráng PP, cuộn lại thành những cuộn lớn nhập kho bán thành phẩm để chuyển sang sản xuất ở cung đoạn tiếp theo.



Cung đoạn Tạo ống bao:
Từ màng tráng ép KP phức hợp thêm 1 lớp giấy lót trong và hạt dán mép bao qua thiết bị máy tạo ống in ấn theo mẫu mã quy định của đơn hàng tạo thành ống bao xi măng nhập kho bán thành phẩm chuẩn bị cho cung đoạn sản xuất tiếp theo



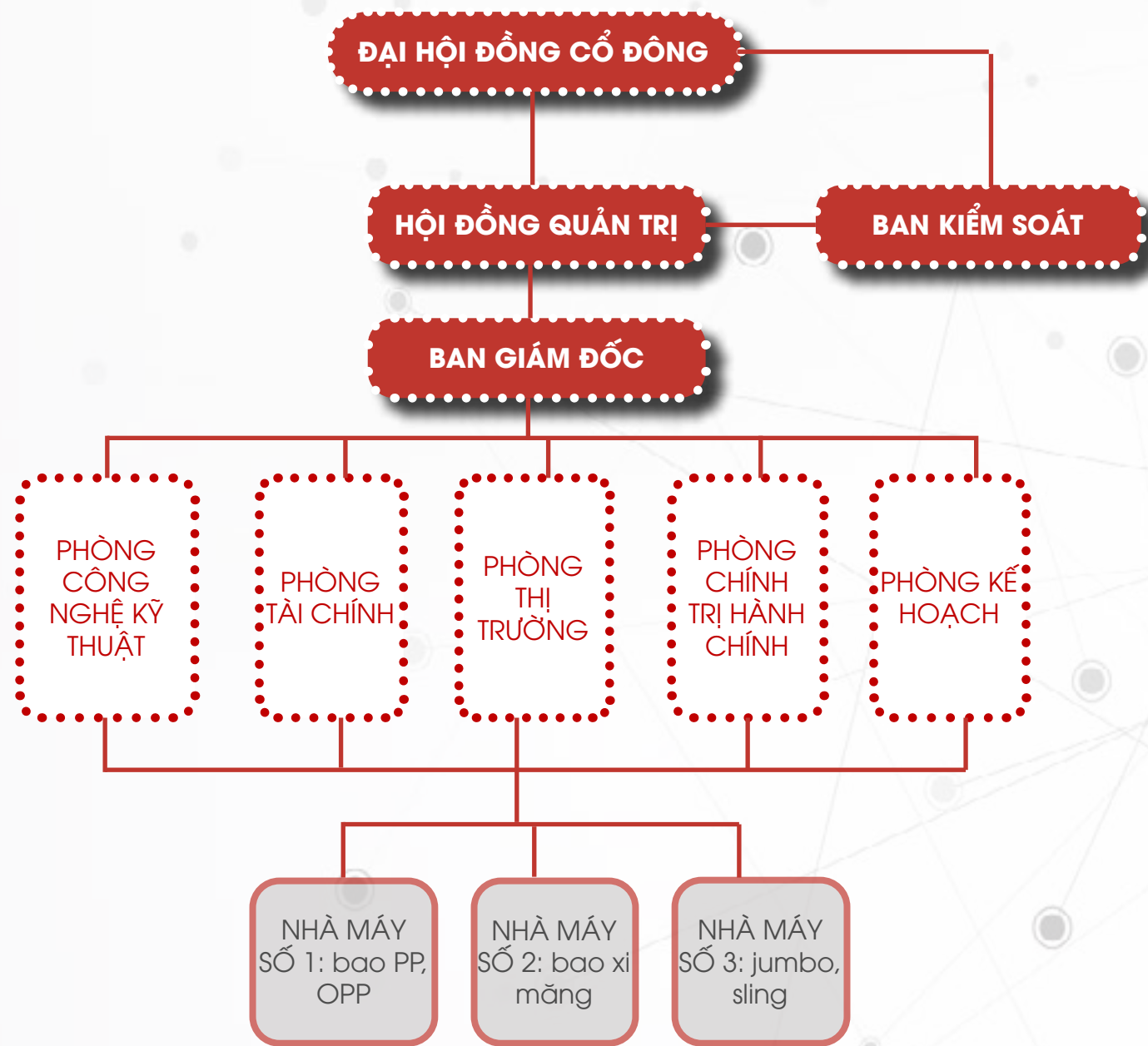
Cung đoạn May hoàn thiện
Từ bán thành phẩm ống bao qua thiết bị may bao tạo thành các vỏ bao may hoàn chỉnh kết thúc quy trình sản xuất vỏ bao xi măng, nhập kho chờ đi xuất bán.

Kiểm tra chất lượng

Với phương châm Chính sách chất lượng của Công ty là: "Chất lượng ngày càng cao, giá thành ngày càng hợp lý, dịch vụ ngày càng hoàn hảo". Chất lượng và giá bán hợp lý là yếu tố tiên quyết để khách hàng đến với Công ty. Luôn đáp ứng mọi yêu cầu đã thỏa thuận với khách hàng phù hợp với yêu cầu của luật định, kể cả đáp ứng những yêu cầu thay đổi.

Trong quá trình sản xuất, với mục tiêu lấy chữ "Tín" làm đầu, coi trọng chất lượng và giá thành sản phẩm là yếu tố tiên quyết để phục vụ khách hàng. Hiện nay Công ty đang áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015; Chứng chỉ Halal xác nhận sản phẩm không có các chất cấm theo yêu cầu Shari'ah Islamiah (Luật Hồi giáo) và đáp ứng yêu cầu về vệ sinh thực phẩm trong quá trình sản xuất. và Chứng chỉ quản lý an toàn thực phẩm HACCP.

2. THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ



Đại hội đồng cổ đông

Gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết và là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, có quyền quyết định tỷ lệ trả cổ tức hàng năm, phê chuẩn báo cáo tài chính hàng năm, bầu và bãi miễn HĐQT, BKS; bổ sung và sửa đổi điều lệ; quyết định loại và số lượng cổ phần phát hành; sáp nhập hoặc chuyển đổi công ty; tổ chức lại và giải thể công ty.

Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị cao nhất của Công ty; HĐQT có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. HĐQT có 05 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu, bãi nhiệm hoặc miễn nhiệm Cơ quan đại diện chủ sở hữu phần vốn Nhà nước tại Công ty quyết định cử người tham gia ứng cử vào HĐQT để làm nhiệm vụ là người trực tiếp quản lý vốn Nhà nước trong Công ty. Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Công ty quyết định cử người tham gia ứng cử vào HĐQT để làm nhiệm vụ là người trực tiếp quản lý vốn Nhà nước trong Công ty. Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Đội ngũ lãnh đạo và quản trị điều hành công là những người có trình độ, tâm huyết vì sự phát triển của VBC

Ban kiểm soát

Ban kiểm soát gồm 03 thành viên, do HĐQT lựa chọn. Ban kiểm soát do ĐHCĐ bầu ra, là tổ chức giám sát, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ sách kế toán và tài chính của Công ty nhằm đảm bảo các lợi ích hợp pháp của các cổ đông.

Phòng thị trường

Có nhiệm vụ giúp việc cho Giám đốc về công tác thị trường, xây dựng chiến lược thị trường xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch thị trường dài hạn, ngắn hạn, khai thác m kiểm, mở rộng thị trường, thực hiện công tác dịch vụ sau bán hàng.

Phòng tài chính

Có nhiệm vụ giúp việc cho Giám đốc về công tác tài chính, kế toán, thống kê, giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động SXKD của Công ty. Quản lý chỉ đạo điều hành và tổ chức thực hiện công tác tài chính, kế toán, thống kê và công tác kiểm kê trong toàn Công ty, nghiên cứu thị trường vốn, lập kế hoạch tài chính dài hạn, ngắn hạn, phân tích thông tin, số liệu kế toán, tham mưu cho Giám đốc các phương án huy động đảm bảo vốn phục vụ SXKD.

Phòng kế hoạch

Có nhiệm vụ giúp việc cho Giám đốc về công tác tài chính, kế toán, thống kê, giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động SXKD của Công ty. Quản lý chỉ đạo điều hành và tổ chức thực hiện công tác tài chính, kế toán, thống kê và công tác kiểm kê trong toàn Công ty, nghiên cứu thị trường vốn, lập kế hoạch tài chính dài hạn, ngắn hạn, phân tích thông tin, số liệu kế toán, tham mưu cho Giám đốc các phương án huy động đảm bảo vốn phục vụ SXKD.

Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty gồm một Giám đốc và một Phó Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm. Giám đốc chịu trách nhiệm trực tiếp và chủ yếu trước HĐQT về việc tổ chức, quản lý, điều hành toàn diện các hoạt động tác nghiệp hàng ngày của Công ty theo Nghị quyết, Quyết định của HĐQT. Phó Giám đốc. Phó Giám đốc được Giám đốc phân công, ủy nhiệm quản lý và điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của công ty.

Phòng Kế hoạch

Có nhiệm vụ giúp việc cho Giám đốc về công tác kế hoạch, và đầu tư, công tác quản lý, đảm bảo công nghệ kỹ thuật, quản lý chất lượng, tiêu chuẩn sản phẩm và đổi mới, cải tiến ứng dụng công nghệ mới. Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch hàng năm, quý, tháng, đột xuất và các dự án đầu tư phát triển của Công ty, là trung tâm điều hành và phối hợp giữa các phòng ban phân xưởng thực hiện kế hoạch sản xuất của Công ty. Đảm bảo cung ứng vật tư nguyên nhiên liệu, tổng hợp phân tích đánh giá, báo cáo kết quả SXKD hàng tháng, quý, năm.

Phòng kỹ thuật

Có nhiệm vụ tham mưu, giúp việc cho HĐQT, Giám đốc về công tác kỹ thuật thiết bị, kỹ thuật điện, công tác xây dựng cơ bản trong toàn Công ty. Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch bảo dưỡng sửa chữa nhà xưởng, sửa chữa thiết bị định kỳ và đột xuất trong toàn Công ty.

Phòng Hành chính chính trị

Có nhiệm vụ giúp việc cho Giám đốc về công tác tài chính, kế toán, thống kê, giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động SXKD của Công ty. Quản lý chỉ đạo điều hành và tổ chức thực hiện công tác tài chính, kế toán, thống kê và công tác kiểm kê trong toàn Công ty, nghiên cứu thị trường vốn, lập kế hoạch tài chính dài hạn, ngắn hạn, phân tích thông tin, số liệu kế toán, tham mưu cho Giám đốc các phương án huy động đảm bảo vốn phục vụ SXKD.

3. GIỚI THIỆU BAN LÃNH ĐẠO

Hội đồng Quản trị

Ông Ngô Quang Việt Chủ tịch HĐQT

Năm sinh: 1971
Nơi sinh: Quỳ Hợp, Nghệ An
Quốc tịch: Việt Nam

Quá trình công tác
11/1994 - 11/2000 : Nhân viên kế hoạch tại Tổng công ty Hợp tác kinh tế, QK4
12/2000 - 08/2004: Trợ lý kế hoạch tại Tổng công ty Hợp tác kinh tế, QK4
09/2004 - 11/2005: Phó phòng kế hoạch tại Tổng công ty Hợp tác kinh tế, QK4
12/2005 - 06/2008: Trưởng phòng kế hoạch tại Tổng công ty Hợp tác kinh tế, QK4
07/2008 - 11/2008: Phó ban Quản lý khai thác gỗ lòng hồ XKMI tại Tổng công ty Hợp tác kinh tế, QK4
12/2008 - 02/2013: Phó Giám đốc phụ trách Kế hoạch - Kinh doanh tại Tổng công ty Hợp tác kinh tế, QK4
03/2013 - 09/2019: Trưởng phòng kế hoạch tại Tổng công ty Hợp tác kinh tế, QK4
10/2019 đến nay: Phó Tổng Giám đốc phụ trách Kế hoạch - Kinh doanh tại Tổng công ty Hợp tác kinh tế, QK4
2020 đến nay: Chủ tịch HĐQT chuyên trách Công ty CP Nhựa Bao bì Vinh

Ông Lê Xuân Thọ Phó Chủ tịch HĐQT, Giám đốc

Năm sinh: 1978
Nơi sinh: Đức Thọ, Hà Tĩnh
Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác
2002 - 2004: Trợ lý thị trường CTCP Nhựa, Bao bì Vinh
2005 - 2007: Trưởng ban thị trường CTCP Nhựa Bao Bì Vinh
2007 - 2013: Trưởng Phòng thị trường CTCP Nhựa, Bao Bì Vinh
2013 - 2017: P. Giám đốc CTCP Nhựa Bao Bì Vinh
07/2017 - 03/2018: Giám đốc CTCP Nhựa Bao Bì Vinh
2018 - nay: Thành viên HĐQT

Ông Phan Văn Toàn Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng

Năm sinh: 1978
Nơi sinh: Đức Thọ, Hà Tĩnh
Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác
2002 - 2003: Kế toán tổng hợp CT Xây lắp - Tổng Công ty HTKT
2003 - 2016: Kế toán trưởng CT TNHH MTV khoáng sản COECCO - Tổng Công ty HTKT
3/2017 - 3/2018: Kế toán trưởng CTCP Nhựa Bao bì Vinh
2018 - nay: Thành viên HĐQT

Ông Nguyễn Trung Kiên Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1978
Nơi sinh: Đức Thọ, Hà Tĩnh
Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác
2008 - 2010: Kiểm toán viên tại Công ty TNHH E&Y Việt Nam
2010 - 2019: Trưởng phòng Đầu tư/ Trưởng phòng phân tích tại Công ty cổ phần chứng khoán SSI
2019 - nay: Thành viên HĐQT tại Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Công nghệ Điện tử - Viễn thông
20019 - nay: Giám đốc Quan hệ nhà đầu tư tại Công ty cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings
2020 - nay Thành viên HĐQT CTCP Nhựa Bao bì Vinh

Bà Phạm Nguyệt Minh Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1980
Nơi sinh: Đức Thọ, Hà Tĩnh
Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ: Thạc sỹ kế toán

Quá trình công tác
2003 - 2007 Nhân viên Kế toán Công ty TNHH Anh Hai Duy
2007 - nay Nhân viên Kế toán CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát
04/2016 - nay Thành viên HĐQT CTCP Nhựa Bao bì Vinh

3. GIỚI THIỆU BAN LÃNH ĐẠO

Ông Trần Ngọc Sâm Trưởng Ban Kiểm soát

Năm sinh: 1969
Nơi sinh: Thọ Xuân, Thanh Hóa
Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ: Cử nhân tài chính

Bà Nguyễn Minh Trang Thành viên Ban Kiểm soát

Năm sinh: 1980
Nơi sinh: Hương Khê, Hà Tĩnh
Quốc tịch: Việt Nam

Ông Đinh Xuân Cường Thành viên Ban Kiểm soát

Năm sinh: 1976
Nơi sinh: Hoa Lư, Ninh Bình
Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ: Tiến sĩ

Ông Nguyễn Hữu Sơn Phó Giám đốc

Năm sinh: 1978
Nơi sinh: Cẩm Bình, Cẩm Xuyên, Hà Tĩnh
Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ: Cử nhân

Quá trình công tác
1997 - 2006 Kế toán trưởng CTCP Nhựa - Bao bì Vinh
2007 - 2009 Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Xây dựng COECCO Lào
2010 - 2011 Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Khoáng sản và luyện kim Viên Chăn
2012 - 2013 Trợ lý PTC Phòng tài chính Tổng Công ty Hợp tác kinh tế QK 4
2014 - 2016 Kế toán trưởng CTCP Công nghiệp Cao su COECCO
2017 - nay Trưởng ban kiểm soát chuyên trách CTCP Nhựa Bao bì Vinh

Quá trình công tác
Trợ lý kế toán tổng hợp - Tổng công ty Hợp tác kinh tế
Trưởng BKS - công ty CP gạch ngói 30/4 (Công ty con của Tổng hợp tác kinh tế)

Quá trình công tác
2003-2006 Trader of Calyon Corporate & Investment Bank, Paris
2007 -2010 Phó Tổng giám đốc INB Investment, Việt Nam
2011 Phó Tổng giám đốc tập đoàn Ocean
7/2017-nay Tổng giám đốc Công ty Cổ phần An phát Holdings Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì Vinh
2/2018-nay Thành viên HĐQT CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát
7/2017-nay Thành viên Ban Kiểm soát CTCP Nhựa Bao bì Vinh

Quá trình công tác
2009 - 2016 Trợ lý Phòng Chính trị, Tổng Công ty Hợp tác kinh tế, QK4
2017 - 2020 Phó Giám đốc tại Xí nghiệp VLXD Hồng Lam, TCT Hợp tác kinh tế, QK4
2020 - nay Phó Giám đốc tại Công ty cổ phần Nhựa, Bao bì Vinh

S

Mạng lưới khách hàng:

Hệ thống khách hàng của công ty trên khắp cả nước, có nhiều khách hàng đã gắn bó nhiều năm, một số doanh nghiệp ở thị trường trong nước như: CTCP Nhựa An Vinh, CTCP Xi măng Vicem Hoàng Mai, CTCP Xi măng Vicem Bút Sơn, CTCP Xi măng Sông Gianh,... Ngoài ra, công ty cung cấp vỏ bao KP, KPK, bao Jumbo, Sling lớn cho các nhà máy sản xuất xi măng, các sản phẩm bao PP, OPP cho các nhà máy sản xuất phân bón, sản xuất đường và phục vụ cho ngành nông nghiệp. Sản phẩm bao Jumbo; sling, bao PP, OPP của doanh nghiệp hiện đã có mặt tại thị trường các nước: New Zealand, Nhật Bản, Hàn Quốc, Thái Lan, Singapore, Fiji, Nam Phi...

Đội ngũ cán bộ công nhân viên giàu kinh nghiệm:

Nguồn nhân lực quản lý được đào tạo bài bản, trình độ Đại học trở lên, có nhiều năm kinh nghiệm công tác. Lực lượng lao động được Công ty tuyển dụng chủ yếu đã qua đào tạo các ngành nghề như cơ khí, dệt, may... số lao động đó Công ty ưu tiên tuyển dụng lực lượng lao động là con em cán bộ, công nhân viên làm việc trong Quân khu IV, Công ty, bộ đội xuất ngũ, phục viên vào làm việc. Lực lượng lao động khi tuyển dụng vào làm việc đều qua thời gian thử việc, học việc. Khi đủ điều kiện tiến hành ký kết các loại hợp đồng từ thời vụ đến 1 đến 3 năm và dài hạn.

Chất lượng sản phẩm

Mọi hoạt động của mình, Công ty luôn luôn lấy chất lượng sản phẩm và dịch vụ đặt lên hàng đầu. Với phương châm: "Chất lượng ngày càng cao, giá thành ngày càng hợp lý, dịch vụ ngày càng hoàn hảo", các sản phẩm của Công ty luôn luôn có được chất lượng cao và ổn định với giá bán hợp lý. Nhờ áp dụng quy trình quản lý chất lượng theo chuẩn ISO, công tác quản lý chất lượng sản phẩm được thực hiện chặt chẽ ở tất cả các công đoạn sản xuất từ nguyên vật liệu đầu vào đến khâu kiểm tra chất lượng sản phẩm trước khi đưa ra thị trường tiêu thụ.

Tiềm năng phát triển:

Dư địa khá lớn tại khu vực miền Bắc và Miền Trung do Các doanh nghiệp ngành nhựa bao bì chủ yếu tập trung tại miền Nam do miền Nam là nơi tập trung của các khu công nghiệp chế biến, đầu ra chủ yếu của ngành nhựa bao bì. Do đó, thị trường sản xuất bao bì nhựa vẫn còn dư địa khá lớn tại khu vực miền Bắc và Miền Trung, nơi có năng lực logistics cảng biển rất lớn để đáp ứng nhu cầu xuất khẩu.

W

Nguyên vật liệu đầu vào phần lớn là nhập khẩu:

Nguyên vật liệu đầu vào của ngành nhựa bao bì là nhựa nguyên sinh, tuy nhiên năng lực sản xuất nguyên liệu nhựa của ngành nhựa Việt Nam không đủ để đáp ứng nhu cầu tiêu thụ trong nước. Đặc thù của ngành nhựa Việt Nam là nguyên liệu nhựa nguyên sinh phụ thuộc phần lớn vào nhập khẩu do thượng nguồn của ngành nhựa chưa phát triển tương xứng với quy mô và nhu cầu nguyên liệu của hạ nguồn. Theo thống kê, nguồn cung nguyên phụ liệu trong nước hiện nay chỉ có thể đáp ứng được khoảng hơn 15% nhu cầu, gần

85% còn lại phải nhập khẩu. Do đó, cán cân thương mại nguyên liệu ngành nhựa luôn trong tình trạng nhập siêu.

Dây chuyền, máy móc

Hiện nay VBC chưa thể sản xuất được dây chuyền, máy móc cũng như khuôn mẫu phục vụ cho việc sản xuất các sản phẩm nhựa bao bì, điều này làm giảm sự đa dạng của sản phẩm nhựa bao bì đầu ra

O

Chi phí nhân công của Việt Nam tương đối rẻ với mức lương trung bình năm ở mức 147 USD/tháng thấp hơn khoảng 22% so với mức trung bình khu vực Đông Nam Á. Chi phí nhân công chiếm khoảng 9% trong cơ cấu chi phí sản xuất trung bình của ngành do đó chi phí nhân công rẻ là lợi thế đối với ngành nhựa Việt Nam nói chung và với hoạt động xuất khẩu sản phẩm của VBC nói riêng.

Nhu cầu tiêu thụ các sản phẩm nhựa bao bì chủ yếu phụ thuộc vào tăng trưởng của các ngành sản xuất thực phẩm, đồ uống và thu nhập, chi tiêu của hộ gia đình nói chung. Đây là động lực chính cho tăng trưởng của các ngành công nghiệp chế biến thực phẩm và đồ uống đầu ra của mảng nhựa bao bì. Mặt khác, đối với sản phẩm bao bì xi măng của VBC, nhu cầu cũng ngày một lớn.

Các hiệp định tự do liên tục đã được đàm phán và ký kết, bắt đầu có hiệu lực sẽ tạo điều kiện cho ngành nhựa Việt Nam có thể dễ dàng tiếp cận các nguồn nguyên liệu từ các khu vực trên thế giới trong bối cảnh nguyên liệu sản xuất trong nước không thể đáp ứng được nhu cầu tiêu thụ đồng thời có khả năng mở rộng các thị trường xuất khẩu sản phẩm nhựa đặc biệt là thị trường Nhật Bản và EU. Cung nguyên liệu nhựa trong thời gian tới được kỳ vọng sẽ phát triển mạnh hơn.

Xu hướng sử dụng nhựa tái chế, sản phẩm nhựa có nguồn gốc sinh học. Chi phí nguyên liệu nhựa chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu chi phí của VBC, Hiệp hội nhựa Việt Nam cho rằng, nếu sử dụng được nguồn nguyên liệu nhựa tái chế ở mức 35-50%/năm, các doanh nghiệp có thể giảm chi phí sản xuất hơn 15%.

T

Nguyên liệu nhựa nguyên sinh phụ thuộc phần lớn vào nhập khẩu do thượng nguồn của ngành nhựa chưa phát triển tương xứng với quy mô và nhu cầu nguyên liệu của hạ nguồn. Việc chủ yếu phải nhập khẩu nguyên liệu từ nước ngoài khiến ngành nhựa khá "nhạy cảm" với biến động tỷ giá, qua đó tác động không nhỏ tới chi phí đầu vào của VBC. Trong năm 2021, giá nguyên liệu đầu vào tăng mạnh, với mức tăng 1,6 lần trong năm, có nhiều thời điểm đạt mức tăng cao nhất trong lịch sử. Dưới sức ép của biến động tỷ giá và thuế nhập khẩu nguyên liệu đầu vào cao ảnh hưởng không nhỏ đến chi phí sản xuất của doanh nghiệp, từ đó tác động đến khả năng sinh lời của doanh nghiệp

Để hạn chế sử dụng bao ni lông, hiện nay các sản phẩm bao ni lông tại Việt Nam hiện đang chịu thuế Bảo vệ môi trường 30.000 - 50.000 đồng/kg, và dự kiến sẽ nâng lên mức 40.000 - 200.000 đồng/kg, nhằm mục tiêu giảm dần việc sử dụng bao nilon khó phân hủy.

Phải chịu sức ép từ các doanh nghiệp FDI. Các doanh nghiệp FDI đang có nhiều lợi thế hơn so với doanh nghiệp trong nước về máy móc, công nghệ, kinh nghiệm quản trị và tài chính. Đặc biệt, các doanh nghiệp này còn có thể chịu lỗ từ 3 tới 5 năm để chiếm lĩnh thị trường, còn doanh nghiệp nội địa chỉ cần lỗ 1, 2 năm có khả năng phải đóng cửa.

Xu hướng sử dụng các sản phẩm nhựa thân thiện với môi trường, các loại "bao bì xanh" được ưa chuộng hơn để gia tăng thiện cảm với người tiêu dùng. Việc chuyển sang xu hướng tăng trưởng xanh, và tạo ra các sản phẩm đáp ứng nhu cầu của khách hàng sẽ tạo ra thách thức cho VBC

4. VỊ THẾ DOANH NGHIỆP

Là doanh nghiệp có uy tín trong hoạt động kinh doanh nên VBC có khả năng tận dụng tốt các chính sách ưu đãi của các tổ chức tín dụng.

Đã có trên 20 năm kinh nghiệm sản xuất kinh doanh bao bì, sản phẩm của VBC đã tạo được vị thế trên thị trường, Công ty đã xây dựng một thương hiệu uy tín về chất lượng, phù hợp về giá thành, là nền tảng cho sự phát triển bền vững trong tương lai.

Ban lãnh đạo VBC có những bước đầu tư chiến lược hợp lý, đúng thời điểm, có hiểu biết sâu sắc về công nghệ và sự tương quan chiến lược giữa công nghệ và thị trường. Đồng thời, các thành viên Ban lãnh đạo tích lũy được nhiều kinh nghiệm trong quá trình quản lý, tổ chức kỹ thuật, hoạch định sản xuất kinh doanh nhiều năm trong ngành; tập thể lãnh đạo, người lao động đoàn kết, gắn bó, cùng chung lợi ích và chí hướng duy trì phát triển Công ty.

5. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu SXKD chính trong kế hoạch 2022 đã được Tổng công ty thông qua. Giữ vững ổn định về an ninh chính trị, an tâm tư tưởng, đảm bảo an toàn về tài sản, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ.

Chủ động đảm bảo nguyên liệu vật tư, lao động, thiết bị, công nghệ, thiết kế mẫu mã, quản lý chặt chẽ các định mức KTKT, chi phí phát sinh, duy trì ổn định chất lượng sản phẩm; tổ chức điều hành sản xuất đảm bảo tiến độ, đáp ứng yêu cầu của khách hàng.

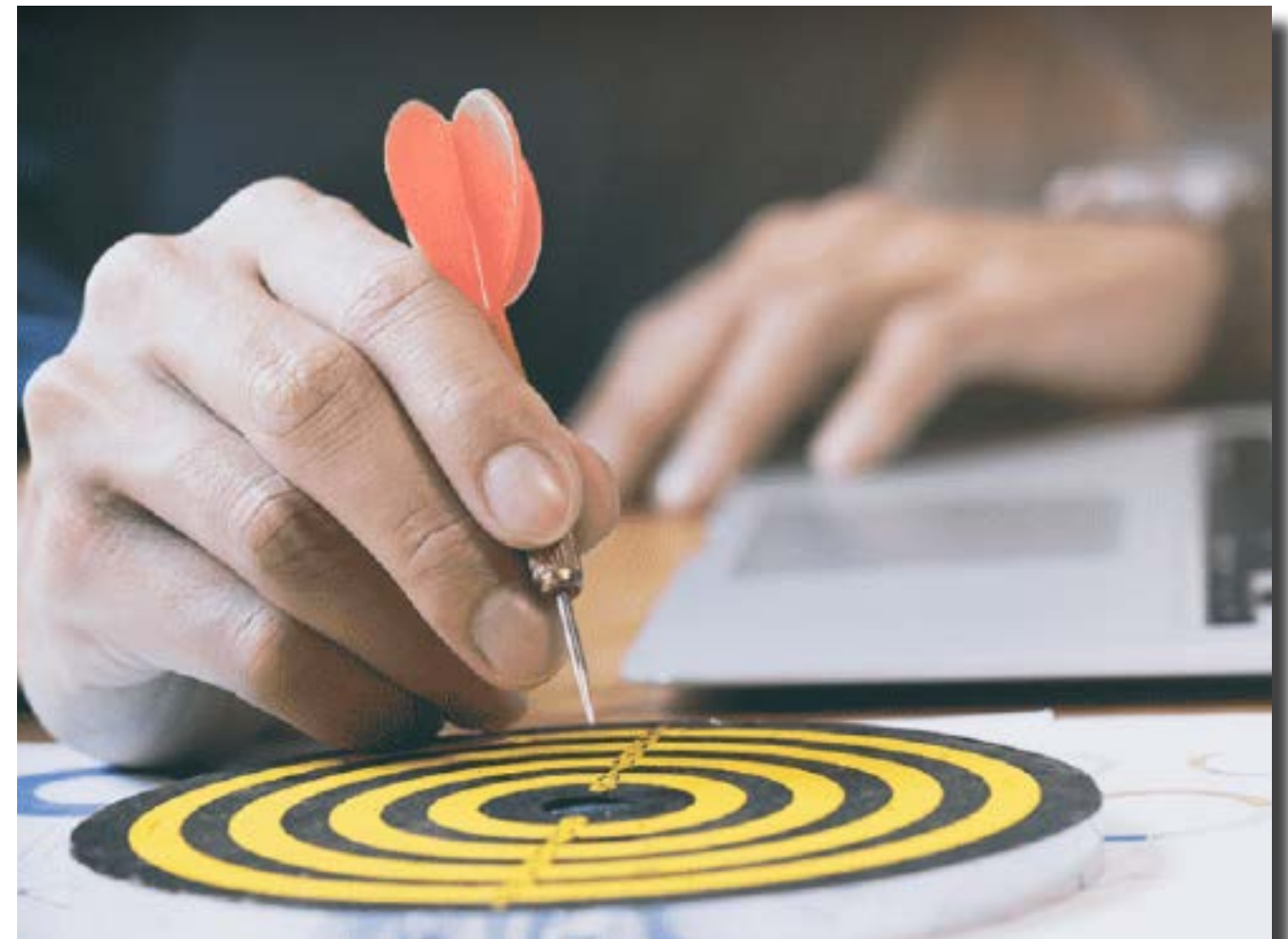
Không ngừng tuyển dụng và đào tạo nguồn lao động mới tuyển dụng đáp ứng được nhu cầu sản xuất, tiêu thụ của đơn vị, nâng dần sản lượng, chất lượng sản phẩm đáp ứng nhu cầu của khách hàng. Góp phần nâng cao năng suất máy móc thiết bị mới đầu tư.

Tăng cường công tác quản lý, đào tạo nâng cao kiến thức cho người lao động về quy trình vận hành sử dụng thiết bị đặc biệt là hệ thống dây chuyền bao dán đáy; Nghiêm túc thực hiện chế độ công tác bảo dưỡng, sửa chữa theo kế hoạch đã xác định. Tăng cường áp dụng, cải tiến MMTB; đổi mới, cải tiến công nghệ - kỹ thuật để bù đắp một phần do giá nguyên liệu tăng, giữ ổn định hiệu quả sản xuất.

Thường xuyên cập nhật sản lượng tiêu thụ sản phẩm để đối chiếu công nợ và nắm chắc thông tin khả năng tài chính của từng khách hàng, tận dụng các cơ hội để thu hồi nợ; tập trung quyết liệt thu hồi nợ ở các khách hàng chậm trả, nợ khó đòi, hạn chế tối đa các rủi ro về nợ. Quan tâm đảm bảo vốn cho sản xuất, đầu tư và thanh toán chế độ chính sách cho người lao động. Kiểm soát và quản lý hoạt động tài chính thực hiện theo đúng quy chế quy định, khắc phục dứt điểm những tồn tại, hạn chế sau mỗi lần thanh kiểm tra, kiểm toán.

Khai thác tối đa sản lượng các khách hàng truyền thống, tranh thủ tìm kiếm mở rộng các thị trường mới trong và ngoài nước. Phát triển thị trường bao dán đáy để bổ sung cho sản lượng thiếu hụt của bao xi măng. Thường xuyên kiểm tra chất lượng sản phẩm đáp ứng yêu cầu thị trường, nâng cao uy tín công ty trên thị trường trong nước và quốc tế.

“VBC luôn mong muốn là một doanh nghiệp sản xuất ổn định, tối ưu đồng thời cung cấp ra thị trường những sản phẩm bao bì nhựa chất lượng nhằm đạt được hiệu quả kinh doanh trong dài hạn.”



6. CÁC RỦI RO

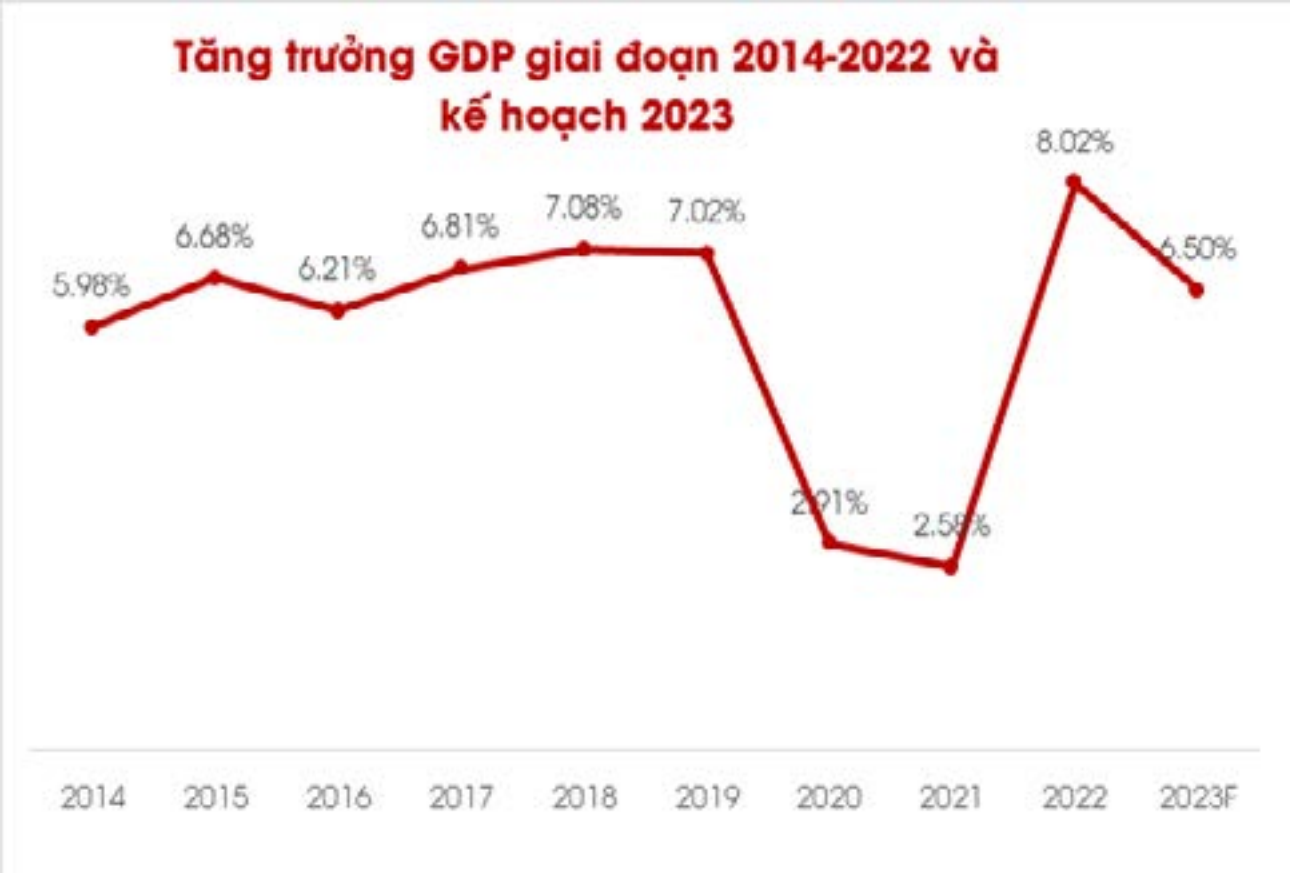
Rủi ro về Kinh tế

Năm 2022, kinh tế toàn cầu gặp nhiều khó khăn, thách thức do những tác động tiêu cực từ đại dịch Covid -19, cuộc xung đột giữa Nga và Ukraine, lạm phát duy trì ở mức cao, nhất là ở châu Âu và Mỹ; thời tiết diễn biến bất thường ở nhiều châu lục... tạo lực cản lớn đối với sự hồi phục kinh tế toàn cầu. Tình trạng lạm phát tăng cao, USD lên giá cộng hưởng với tình trạng gián đoạn, đứt gãy nguồn cung kéo dài khiến chi phí nhập khẩu tăng lên, từ đó ảnh hưởng đến sản xuất trong nước. Mặc dù GDP năm 2022 của Việt Nam tăng trưởng vượt bậc so với các năm trước đạt 5,92% nhưng vẫn còn tiềm ẩn rất nhiều rủi ro.

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm 2022 tăng 3,15% so với năm trước, thấp hơn mức tăng 3,54% và 3,23% của năm 2018 và 2020; cao hơn mức tăng 2,79% và 1,84% của năm 2019 và năm 2021. Lạm phát cơ bản bình quân năm 2022 tăng 2,59%.

- Từ phía cung, theo TCTK trong khu vực công nghiệp và xây dựng, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục là động lực tăng trưởng của toàn nền kinh tế với tốc độ tăng 8,10%, đóng góp 2,09 điểm phần trăm vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế.
- Từ phía cầu, theo TCTK, năm 2022 chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 7,1% so với năm 2021 (năm trước tăng 4,8%)

Bước sang năm 2023 với dự báo nhiều khó khăn, thách thức, tuy nhiên nền kinh tế Việt Nam vẫn được đánh giá còn nhiều dư địa phát triển bởi khi bối cảnh càng phức tạp, khó khăn thì yêu cầu trao đổi, phối hợp và thực hiện hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế càng có ý nghĩa đặc biệt. Mức tăng trưởng năm 2023 của Việt Nam dự đoán có thể vượt mục tiêu 6,5% mà Chính phủ và Quốc hội đề ra. Để đạt được mục tiêu này, cần có sự hỗ trợ từ các quyết sách phù hợp, kịp thời của Chính phủ và tính năng động, sáng tạo của các doanh nghiệp, người dân. Yếu tố kinh tế vĩ mô ổn định, kinh tế hồi phục và tăng trưởng sẽ là nền tảng quan trọng giúp thúc đẩy sự phát triển của ngành sản xuất giấy nói chung và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nói riêng.



Rủi ro về Pháp luật

Sự ổn định của hệ thống chính trị, luật pháp, chính sách của một quốc gia ảnh hưởng rất nhiều đến sự ổn định và khả năng phát triển của các ngành kinh tế nói chung và ngành Nhựa nói riêng. Đặc biệt, đây còn là 1 trong 10 ngành công nghiệp được Chính phủ ưu tiên phát triển thành ngành kinh tế mạnh. Mặc dù các văn bản pháp luật điều chỉnh hoạt động của các công ty nhựa đã xây dựng và ban hành, nhưng hiện nay ngành Nhựa vẫn còn thiếu quy định của Nhà nước về nhập khẩu phế liệu sản xuất để tái sinh nhằm hạ giá thành đầu vào cho ngành Nhựa, gây khó khăn cho Công ty trong việc chủ động nguyên liệu đầu vào và giảm chi phí.

Rủi ro về Ngành

Do ngành bao bì nhựa yêu cầu quy mô vốn đầu tư không cao, trong khi đó khả năng thu hồi vốn nhanh khiến cho rào cản gia nhập ngành ở mức thấp. Hiện có khoảng 1.353 doanh nghiệp hoạt động trong ngành nhựa bao bì. Bên cạnh đó, ngành nhựa Việt Nam còn nhiều dư địa tăng trưởng vì vậy các doanh nghiệp ngành nhựa Việt Nam nói chung và CTCP Nhựa Bao bì Vĩnh nói riêng có nguy cơ phải đối mặt với sức cạnh tranh từ các doanh nghiệp nước ngoài, doanh nghiệp FDI đặc biệt là trong giai đoạn giá nguyên liệu nhựa đang ở mức tương đối thấp như hiện nay.

Xu hướng sử dụng các sản phẩm nhựa thân thiện với môi trường cũng là một thách thức đối với ngành nhựa Việt Nam khi trong cơ cấu xuất khẩu của ngành, các sản phẩm bao bì truyền thống không thân thiện với môi trường chiếm tỷ trọng tương đối lớn. Điều này đòi hỏi VBC nói riêng và ngành Nhựa Việt Nam nói chung cần có những bước đi đột phá với những sản phẩm sáng tạo, bắt kịp xu hướng tiêu dùng luôn luôn thay đổi.

Mặt khác, ngành Nhựa Việt Nam đang đứng trước nguy cơ bị kiện bán phá giá. Hàng hóa Việt Nam cũng như của một số quốc gia khác có nguy cơ bị kiện bán phá giá và áp mức thuế chống bán phá giá nhằm bảo vệ ngành bao bì nhựa của nước nhập khẩu như Mỹ, EU, Nhật Bản,...

Rủi ro về Tín dụng và Dòng tiền

Rủi ro tín dụng xuất phát từ nghĩa vụ thanh toán của đối tác. Nếu đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ nợ trong hợp đồng sẽ gây nên tổn thất tài chính cho Công ty. Do đó, khoản phải thu là một trong những rủi ro lớn mà Công ty phải thường xuyên đối diện. Khoản phải thu khó thu hồi sẽ đặt Công ty vào khả năng bị chiếm dụng vốn, gây thất thoát nguồn vốn của Công ty.

Rủi ro về dòng tiền diễn ra khi Công ty gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính, không nắm bắt các cơ hội đầu tư quan trọng khi không có đủ nguồn vốn cần thiết. Đây là vấn đề liên quan đến việc quản trị tài sản và nguồn vốn lưu động. Các khoản nợ xấu phát sinh từ công nợ khách hàng kéo dài, không có khả năng thanh toán bắt buộc Công ty phải trích lập dự phòng, làm giảm lợi nhuận và hao hụt dòng tiền.

Rủi ro về Nguyên liệu

Gần 85% nguyên phụ liệu phải nhập khẩu: Theo thống kê, nguồn cung nguyên phụ liệu trong nước hiện nay chỉ có thể đáp ứng được khoảng hơn 15% nhu cầu, 85% còn lại phải nhập khẩu. Do đó, cán cân thương mại ngành nhựa luôn trong tình trạng nhập siêu.

Tỷ giá tác động tới chi phí đầu vào: Việc chủ yếu phải nhập khẩu nguyên liệu từ nước ngoài khiến ngành nhựa khá “nhạy cảm” với biến động tỷ giá, qua đó tác động không nhỏ tới chi phí đầu vào của các doanh nghiệp nhựa.

Cạnh tranh trong ngành nhựa của Việt Nam ở mức cao. Nguyên nhân do ngành nhựa Việt Nam có rào cản gia nhập ngành tương đối thấp, thị trường phân mảnh nhất là đối với sản phẩm nhựa bao bì, số lượng doanh nghiệp hoạt động trong mảng nhựa bao bì lên đến 1.353 doanh nghiệp. Bên cạnh đó, sản phẩm của ngành nhựa Việt Nam không có quá nhiều khác biệt về mẫu mã cũng như chất lượng nên sức mạnh mặc cả của khách hàng là cao.

Rủi ro về Tỷ giá

Công ty chịu rủi ro tỷ giá khi có sự biến động của tỷ giá hối đoái làm ảnh hưởng bất lợi đến (1) việc ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản, khoản vay hoặc các giao dịch có phát sinh bằng ngoại tệ cũng như ảnh hưởng bất lợi đến (2) dòng tiền tương lai phát sinh từ những khoản mục này. Hiện nay, rủi ro tỷ giá của Công ty phát sinh chủ yếu từ các nguồn thu ngoại tệ thông qua hoạt động xuất khẩu nguyên liệu ngành được. Để giảm thiểu rủi ro tỷ giá, Công ty giao giám đốc Tài chính theo sát diễn biến tỷ giá trên thị trường, từ đó cân đối các khoản thu - chi bằng ngoại tệ hoặc sử dụng các công cụ tài chính thích hợp để giảm thiểu rủi ro.

Rủi ro khác

Các rủi ro khác như thiên tai, dịch họa... do thiên nhiên gây ra là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn về tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Để hạn chế tối đa những thiệt hại có thể xảy ra, Công ty đã thực hiện các phương án giúp giảm thiểu các thiệt hại như mua bảo hiểm cho tài sản và các sản phẩm hàng hóa, lắp đặt các hệ thống báo cháy, tập huấn nhân viên phòng cháy, chữa cháy và các biện pháp bảo đảm an ninh, an toàn khác.

B.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tổ chức và nhân sự
3. Tình hình tài chính

1. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Thông tin về ngành

Ngành nhựa Việt Nam là một trong các ngành công nghiệp có tốc độ tăng trưởng tương đối nhanh so với nền kinh tế nói chung. Trong giai đoạn từ 2012 đến 2017, ngành nhựa Việt Nam tăng trưởng trung bình 11,6% một năm nhanh hơn so với mức tăng trưởng 3,9% của ngành nhựa thế giới và nhanh hơn so với mức tăng trưởng GDP bình quân khoảng 6,2% của Việt Nam trong cùng giai đoạn. Các sản phẩm đầu ra của ngành nhựa Việt Nam được ứng dụng trong rất nhiều các lĩnh vực khác nhau từ tiêu dùng, thương mại cho đến xây dựng, lắp ráp và được phân chia làm bốn mảng chính là các sản phẩm nhựa bao bì, nhựa dân dụng, nhựa xây dựng và nhựa kỹ thuật.

Năm 2007, Việt Nam gia nhập WTO, từ 2007 đến nay, đây là giai đoạn tiếp tục phát triển nhanh của ngành. Ngành nhựa phát triển mạnh, đa dạng hóa sản phẩm của mình trong cả bốn mảng sản phẩm là nhựa bao bì, nhựa dân dụng, nhựa xây dựng và nhựa kỹ thuật. Việc duy trì chính sách mở cửa khiến dòng vốn FDI chảy vào Việt Nam nhiều hơn tạo điều kiện phát triển các ngành công nghiệp chế biến, thực phẩm, đồ uống tạo động lực giúp mảng nhựa bao bì phát triển mạnh mẽ.

Ngành nhựa Việt Nam vẫn đang ở trong giai đoạn tăng trưởng tốt. Ngành nhựa thế giới hiện tại đã bước vào giai đoạn bão hòa với tốc độ tăng trưởng giai đoạn 2000 - 2017 chỉ khoảng 3,7% - 3,8% một năm. Trong bối cảnh đó, tăng trưởng sản lượng của ngành nhựa Việt Nam trong giai đoạn 2010 - 2017 vẫn giữ ở mức 10,8% tuy đã giảm khoảng

5,4 điểm phần trăm so với giai đoạn tăng trưởng nhanh trước đó. Mảng nhựa bao bì được dự báo gia tăng mạnh về sản lượng tuy nhiên có xu hướng dịch chuyển sang mảng nhựa xây dựng và nhựa kỹ thuật. Theo các báo cáo ngành nhựa năm 2021, việc giá nguyên vật liệu tăng nóng, cùng với sự bùng phát mạnh của Covid 19 đã khiến toàn ngành điều chỉnh. Trong khoảng thời gian giãn cách xã hội, nhiều doanh nghiệp nhựa nằm trong khu phong tỏa, công suất hoạt động chỉ ở mức 30-50% làm ảnh hưởng đến doanh thu và dòng tiền của công ty. Nhu cầu đối với các sản phẩm nhựa giữ tốc độ tăng trưởng 5-7%, giá hạt nhựa năm 2021 cao hơn bình quân năm 2020, do đó mà biên lợi nhuận của một số doanh nghiệp nhựa bị giảm.

Trong giai đoạn sau đại dịch, theo đánh giá của các chuyên gia, triển vọng cho ngành nhựa trong thời gian tới sẽ thuận lợi hơn nhờ việc Việt Nam ký kết hàng loạt các FTA thế hệ mới trong thời gian gần đây (như CPTPP, EVFTA, RCEP) giúp mở ra cơ hội thu hút đầu tư không chỉ ở các nước đối tác FTA mà cả các nước khác (để đầu tư sản xuất hàng hóa tại Việt Nam và xuất khẩu đi tận dụng các cơ hội của FTA). Ngành nhựa cũng không nằm ngoài cơ hội này.

Tăng trưởng ngành Nhựa được kỳ vọng sẽ duy trì ở mức trung bình ở mức 6,5% giai đoạn 2019 - 2023. Hai mảng chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu giá trị ngành nhựa Việt Nam là mảng nhựa bao bì và nhựa xây dựng vẫn được kỳ vọng sẽ là động lực tăng trưởng chính của ngành.

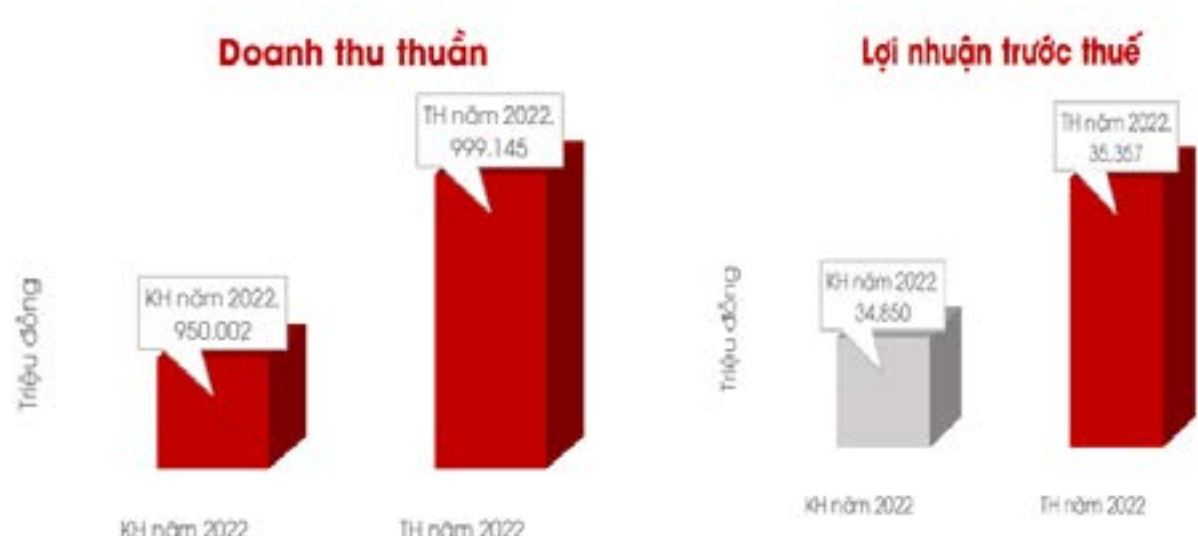


Kết quả sản xuất kinh doanh so với kế hoạch

Kết thúc năm 2022, doanh thu thuần đạt 999.145 triệu đồng vượt 5,2% so với kế hoạch đề ra. Lợi nhuận trước thuế đạt 35.357 triệu đồng vượt 1,5% so với kế hoạch đề ra.

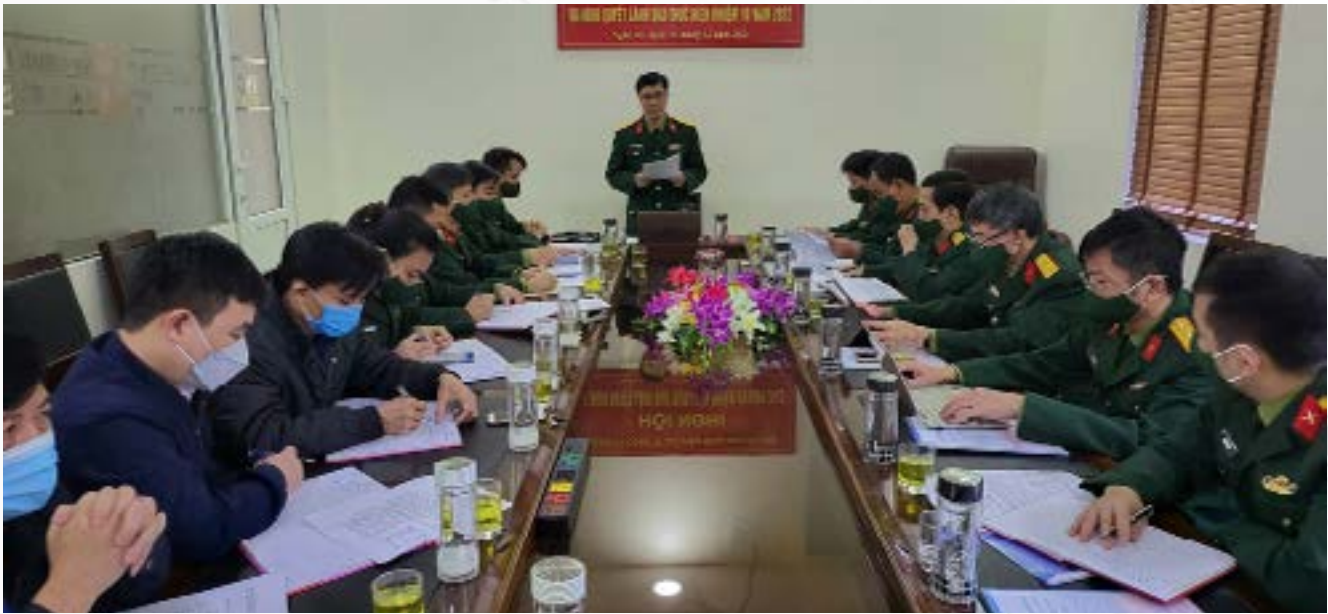
STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022	So sánh TH với KH của 2022(%)	So sánh với cùng kỳ 2021 (%)
1	Sản lượng tiêu thụ	Bao	128.400.000	130.186.224	101,4%	101,4%
	Trong đó					
	- Bao xi măng	Bao	101.500.000	103.283.859	101,8%	103,1%
	- Bao PP	Bao	22.500.000	23.810.771	105,8%	98,3%
	- Bao BOPP	Bao	2.500.000	939.784	37,6%	42,6%
	- Bao Jumbo, Sling	Bao	1.900.000	2.151.810	113,3%	116,5%
	- Bán thành phẩm	kg	2.270.000	2.155.007	94,9%	84,5%
2	Doanh thu	Tr.đồng	950.002	999.145	105,2%	97,0%
3	LN trước thuế	Tr.đồng	34.850	35.357	101,5%	100,2%
4	Nộp ngân sách	Tr.đồng	33.957	20.980	61,8%	88,0%

Biểu đồ Doanh thu thuần và Lợi nhuận trước thuế



Năm 2022 vẫn còn chịu ảnh hưởng của đại dịch Covid-19; giá cả nguyên vật liệu và cước phí vận tải biến động do tình hình kinh tế, chính trị thế giới bất ổn dẫn tới các hoạt động SXKD, dịch vụ, lưu thông hàng hóa gặp nhiều khó khăn. Giá cước vận tải biển và phí Logistic tăng, cont hàng lại khan hiếm đã làm tăng chi phí bán hàng. Lãi suất các ngân hàng bắt đầu tăng từ các tháng cuối quý III.2022. Trong khi đó việc đàm phán để tăng giá bán sản phẩm gặp nhiều khó khăn nên chưa điều chỉnh ngay được do tính cạnh tranh trong tiêu thụ sản phẩm ngày càng quyết liệt hơn. Nhiều ngân hàng hạn chế hạn mức giải ngân nên làm ảnh hưởng đến tiến độ thanh toán của các khách hàng, gây khó khăn trong vấn đề đốc thúc thu hồi công nợ.

Về thực hiện định mức chi phí, các khoản chi phí cơ bản đều tăng theo tỷ lệ tăng của doanh thu và sản lượng. Duy chỉ có một số chi phí tăng vượt so với kế hoạch cụ thể như: Chi phí thuê ngoài tăng do giá nhiên liệu biến động tăng liên tục làm ảnh hưởng đến cước vận tải nội địa và xuất khẩu, cont hàng khan hiếm và phí Logistic tăng cao so với các năm trước ... Mặt khác đơn vị cũng đã thường xuyên nghiên cứu cải tiến công nghệ, phát huy năng suất lao động,



điều chỉnh tỷ lệ phối trộn một số mặt hàng nhằm hạ giá thành sản phẩm nâng cao hiệu quả. Đồng thời phát huy công suất tối đa sản lượng vỏ bao xi măng, vỏ bao Siling, Jumbo do đó lợi nhuận của công ty trong năm vẫn duy trì đạt và vượt so với kế hoạch. Trong kỳ đơn vị sử dụng phương án vay ngoại tệ để nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ sản xuất. Đồng thời tận dụng các chính sách giảm lãi suất của Ngân hàng để giảm chi phí tài chính. Năm 2022 chi phí tài chính giảm 1,85 tỷ đồng so với so với kế hoạch năm.

Về công tác thu hồi công nợ đảm bảo và sử dụng vốn, Tổng số dư công nợ phải thu phát sinh trong kỳ là 1.062,50 tỷ đồng, đã thu hồi và đối trừ được 1.050,88 tỷ đồng. Số dư công nợ phải thu cuối kỳ còn lại 240,25 tỷ đồng (Riêng tháng 12.2022 phát sinh nợ phải thu khách hàng là 103.452 triệu đồng); Nợ phải thu khó đòi hiện đang còn 118,3 triệu đồng và đã trích lập 100% giá trị nợ khó đòi. Công nợ của năm 2021 đã thu hồi hết và thu đạt 77,5% số phát sinh của năm 2022.

Về công tác đầu tư, Trong năm 2022 đơn vị đã đầu tư 07 hạng mục bao gồm: 01 máy kéo sợi PP600kg/h của hãng Starlinger với tổng mức đầu tư 19.403,75 triệu đồng (Giảm 49.968.940 đồng so với kế hoạch); 02 Máy trộn hạt Model: TND - 300H với số tiền 121 triệu đồng; 01 bộ máy cắt mạnh dẹt siêu âm Model: CSG-1000A với số tiền 60 triệu đồng; Cải tạo nhà Đa năng tại NM1 số tiền 393,75 tr và Khu nhà bếp, bể nước thải tại NM2 với số tiền 509,77 triệu đồng. Tổng tài sản đầu tư trong năm là 20.488,27 triệu đồng. Bên cạnh đó, Công ty tiến hành thanh lý 01 Máy tạo sợi Sài gòn, 01 Xe Toyota Corolla và 01 xe nâng Komatsu theo Quyết định 480/QĐ-VBC của HĐQT với tổng giá trị thanh lý 1.153,14 triệu đồng. Giá trị thu hồi 78 triệu đồng.

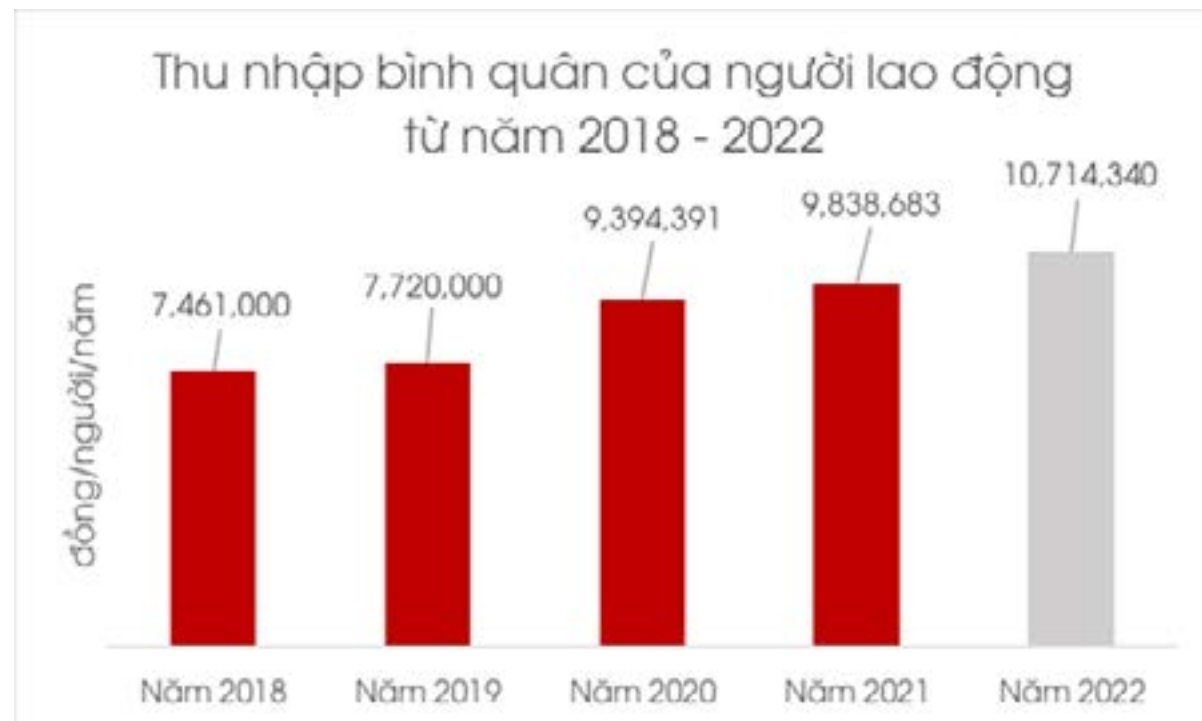
2. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Cơ cấu lao động

		Năm 2022	
STT	Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
I	Theo trình độ lao động	1.007	100%
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	70	7%
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	180	18%
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	712	71%
4	Lao động phổ thông	45	4%
II	Theo đối tượng lao động	1.007	100%
1	Lao động trực tiếp	830	82%
2	Lao động gián tiếp	177	18%
III	Theo giới tính	1.007	100%
1	Nam	387	38%
2	Nữ	620	62%
IV	Theo thời hạn HĐLĐ	1007	100%
1	Hợp đồng ngắn hạn dưới 1 năm		
2	Hợp đồng có thời hạn 1 đến 3 năm	547	54%
3	Hợp đồng không xác định thời hạn	460	46%
V	Theo cấp quản lý	177	100%
1	Quản lý cấp cao	4	2%
2	Quản lý cấp trung	7	4%
3	Quản lý cấp chi nhánh	4	2%
4	Chuyên viên, nhân viên	162	92%
VI	Theo độ tuổi	1007	100%
1	Từ 18 đến 25 tuổi	217	22%
2	Từ 26 đến 35 tuổi	430	42,7%
3	Từ 36 đến 45 tuổi	225	22,3%
4	Trên 45	135	13,4%

Chính sách nhân sự

Năm	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
Thu nhập bình quân của người lao động	7,461,000	7,720,000	9,394,391	9,838,683	10.714.340



Lương thưởng:

Người lao động trong Công ty được hưởng lương theo hệ số. Hệ số lương được tính căn cứ theo trình độ, năng lực và hiệu quả công việc được giao. Công ty thường xuyên kiểm tra việc thực hiện các chế độ chính sách về tiền lương, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và nâng bậc lương theo niên hạn cho cán bộ công nhân viên. Ngoài những quyền lợi được quy định trong Luật lao động, người lao động trong Công ty còn được hưởng các đãi ngộ dưới các hình thức như du lịch, nghỉ mát, trợ cấp khi thai sản và ốm đau, trợ cấp khó khăn... Công ty có chính sách khen thưởng xứng đáng với các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, có đóng góp sáng kiến về giải pháp kỹ thuật giúp đem lại hiệu quả kinh doanh cao, đồng thời áp dụng các biện pháp, quy định xử phạt đối với các công nhân viên có hành vi gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động, hình ảnh của Công ty

Chính sách an toàn, bảo hộ lao động:

CBCNV được trang bị dụng cụ bảo hộ lao động đạt tiêu chuẩn, được kiểm tra sức khỏe định kì hàng năm để hạn chế tối đa rủi ro cũng như phát hiện, điều trị kịp thời bệnh nghề nghiệp; Người lao động tại công ty được tham gia đủ 3 loại bảo hiểm, gồm: bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và được xem xét hỗ trợ các chính sách, bồi thường độc hại trong các chế độ phụ cấp ngoài lương. Tòa nhà văn phòng, nhà máy sản xuất được trang bị hệ thống chống cháy, báo cháy, bình chữa cháy, vòi nước... nhằm ứng phó kịp thời với các tình huống khẩn cấp.

Trợ cấp:

Thực hiện đầy đủ các chế độ trợ cấp cho người lao động theo quy định của pháp luật.

Lao động gián tiếp Công ty trả lương khoán theo vị trí công việc được giao theo tháng. Lao động trực tiếp Công ty trả lương theo đơn giá, định mức sản phẩm.

Người lao động làm việc thêm giờ ngày bình thường được thanh toán thêm 50%, làm ca đêm thanh toán thêm 50% tiền lương, nếu làm việc vào ngày lễ được thanh toán 300% tiền lương. Các chế độ tiền lương, tiền thưởng, chế độ phụ cấp, tiền quà ngày lễ, tết, chế độ bảo hiểm, y tế, khám chữa bệnh, chế độ tham quan, du lịch, nâng bậc lương, bậc thợ vv...được giải quyết đúng đủ, công khai. Chế độ ăn ca được duy trì thường xuyên, bảo đảm được định lượng, tiêu chuẩn và an toàn vệ sinh thực phẩm. Làm việc đủ 8 giờ/ngày được hưởng chế độ ăn cơm ca với mức 20.000 đồng/người/ca;

Chế độ bồi dưỡng độc hại, các chế độ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, trang bị bảo hộ lao động được thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật hiện hành.

Trên cơ sở xếp loại lao động và căn cứ vào nguồn quỹ của Công ty định kỳ hàng quý, sáu tháng, năm người lao động được Công ty trích quỹ khen thưởng hoàn thành kế hoạch dựa theo kết quả xếp loại lao động trong kỳ đó.

- Các chế độ tiền lương, tiền thưởng và các khoản trợ cấp được Công ty thanh toán đúng đủ vào các ngày từ 15-20 hàng tháng.

Chính sách tuyển dụng:

Lực lượng lao động được Công ty tuyển dụng chủ yếu đã qua đào tạo các ngành nghề như cơ khí, dệt may... Công ty ưu tiên tuyển dụng lực lượng lao động là con em cán bộ, công nhân viên làm việc trong Quân khu IV, Công ty, bộ đội xuất ngũ, phục viên vào làm việc. Lực lượng lao động khi tuyển dụng vào làm việc đều qua thời gian thử việc, học việc. Khi đủ điều kiện tiến hành ký kết các loại hợp đồng từ thời vụ đến 1 đến 3 năm và dài hạn. doanh cao, đồng thời áp dụng các biện pháp, quy định xử phạt đối với các công nhân viên có hành vi gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động, hình ảnh của Công ty

Chính sách đào tạo và phát triển nhân viên:

Hàng năm Công ty tổ chức đào tạo tại chỗ cho số lao động đến kỳ hạn thi nâng bậc lương, tay nghề, bậc thợ. Ngoài ra, còn tổ chức đào tạo tay nghề cho người lao động trước khi điều chuyển vị trí công việc mới. Trong thời gian đào tạo người lao động không phải đóng bất cứ một khoản lệ phí nào, nhưng vẫn được hưởng chế độ Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, tiền lương, phụ cấp theo định mức quy định.



3. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Một số chỉ tiêu tài chính

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022	% Tăng trưởng
1. Tổng tài sản	Tỷ đồng	433.97	459.58	5,90%
2. Doanh thu thuần	Tỷ đồng	1.026,87	994.52	-3,15%
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Tỷ đồng	35.52	35.55	0,08%
4. Lợi nhuận khác	Triệu đồng	-229.95	-190.52	-17,15%
5. Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	35.28	35.35	0,20%
6. Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	28.11	27.26	-3,02%
7. Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	%	48,02	49,52	3,12%

Năm 2022 các chỉ tiêu ghi nhận mức tăng trưởng không tích cực do vẫn còn chịu ảnh hưởng của đại dịch Covid-19; giá cả nguyên vật liệu và cước phí vận tải biến động do tình hình kinh tế, chính trị thế giới bất ổn dẫn tới các hoạt động SXKD, dịch vụ, lưu thông hàng hóa gặp nhiều khó khăn; Tuy nhiên đây là tình hình chung của ngành Nhựa nói chung và các doanh nghiệp sản xuất bao bì Nhựa nói riêng bởi ảnh hưởng nặng nề do việc gián đoạn hoạt động kinh doanh, sản xuất do dịch bệnh, thiên tai cũng như mức cạnh tranh của thị trường bao bì. Chuỗi cung ứng toàn cầu bị gián đoạn khiến cho các đơn hàng mới sụt giảm đặc biệt ở thị trường nước ngoài; càng làm tăng gánh nặng cho các khoản chi phí vận hành, trả lương nhân công đặc biệt là nguyên vật liệu để sản xuất. Thêm vào đó, tình hình thị trường về nhu cầu vỏ bao truyền thống sụt giảm mạnh, người tiêu dùng ngày càng hạn chế các sản phẩm nhựa.VBC đã rất nỗ lực để phục hồi và quay trở lại tiến độ kinh doanh để bù đắp cho giai đoạn đầu năm 2023 và hướng đến mục tiêu tăng trưởng trong tương lai.

Một số chỉ số tài chính

Các chỉ tiêu	ĐVT	2018	2019	2020	2021	2022	Tỷ lệ tăng (giảm) 2022 so với 2021
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán							
- Hệ số thanh toán hiện hành	lần	1.09	1.13	1.16	1.23	1.22	-0,81%
- Hệ số thanh toán nhanh	lần	0.68	0.8	0.81	0.84	0.80	-4,76%

Các chỉ tiêu	ĐVT	2018	2019	2020	2021	2022	Tỷ lệ tăng (giảm) 2022 so với 2021
2, Chỉ tiêu về cơ cấu vốn							
- Hệ số nợ/tổng tài sản	lần	0.77	0.75	0.68	0.672	0.673	0,15%
- Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu	lần	3.35	3.01	2.17	2.05	2.06	0,49%
3, Chỉ tiêu về năng lực hoạt động							
- Vòng quay hàng tồn kho	vòng	7.3	7.01	7.98	9.12	7.65	-16,12%
- Vòng quay tổng tài sản	vòng	2.06	2	1.98	2.40	2.23	-7,08%
4, Chỉ tiêu về khả năng sinh lời							
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	2.99	2.88	3.02	2.737	2.738	0,04%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn CSH (ROE)	%	25.80	24.02	21.37	20.39	18.65	-8,53%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng TS (ROA)	%	6.15	5.67	5.98	6.56	6.10	-7,01%
- Hệ số lợi nhuận từ hoạt động KD/ Doanh thu thuần	%	3.81	3.62	3.89	3.46	3.57	3,18%

Trong giai đoạn từ năm 2018 đến năm 2022, hệ số khả năng thanh toán hiện hành của VBC luôn duy trì ở mức lớn hơn 1. Năm 2022, khả năng thanh toán ngắn hạn của VBC đã giảm 0,81% so với năm 2021. Hệ số thanh toán nhanh 2022 là 0,80 lần giảm 4,76% so với năm 2021. Nhìn chung khả năng thanh toán của VBC bị sụt giảm so với năm 2021 do công ty đã có những chiến lược nâng cao quản trị tài chính để thanh toán các khoản nợ phải trả đến hạn chưa thực sự mang lại hiệu quả cao.

Nhìn chung trong năm trở lại đây, công ty luôn nỗ lực giảm tỷ trọng các khoản nợ trong cơ cấu vốn để tăng khả năng độc lập về tài chính trong dài hạn. Năm 2022, hệ số nợ/tổng tài sản tăng rất nhẹ so với năm 2021 đạt 0,673 lần tương ứng tỷ lệ 0,15% đồng thời hệ số nợ/vốn chủ sở hữu tăng 0,49% đạt 2,06 lần so với năm 2021.

Xét từ giai đoạn từ 2018 - 2021, các hệ số về hiệu suất hoạt động của VBC đang có xu hướng tăng, cả hai chỉ số về vòng quay hàng tồn kho và vòng quay tổng tài sản đều tăng đáng kể, cho thấy VBC đang ngày càng tối ưu hóa hiệu quả, năng lực hoạt động của mình.Tuy nhiên cho đến năm 2022, vòng quay hàng tồn kho của VBC có xu hướng giảm còn 7,65 vòng giảm 1,47 vòng so với năm 2021; số vòng quay tổng tài sản năm 2022 cũng giảm đạt 2,23 vòng.

Hệ số lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần là 2,738% tăng nhẹ so với năm 2021, hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trên Doanh thu thuần cũng tăng 3,18% so với năm 2021 đạt 3,57%. Nguyên nhân là do năm 2022, VBC đã giữ được mức tăng về doanh thu bán hàng tuy nhiên do chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp cũng tăng lên đáng kể để doanh nghiệp khắc phục những khó khăn trong sản xuất và kinh doanh trong thời kỳ dịch bệnh. Năm 2022, hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu của VBC là 18,65% tương đương với tỷ lệ giảm là 8,53YoY. Hệ số lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản vào năm 2022 cũng có xu hướng giảm 7,01% so với năm 2021 đạt mức 6,10%.

C. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Phương hướng phát triển



1. ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC VỀ MỌI MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Mặc dù phải đối mặt với nhiều khó khăn trong năm 2022 nhưng tập thể đội ngũ cán bộ công nhân viên CTCP Nhựa, Bao bì Vinh với tinh thần hăng say lao động, tích cực đổi mới và bên cạnh đó là nhờ có sự điều hành, chỉ đạo kịp thời của ban lãnh đạo, VBC luôn bắt kịp với những thay đổi của thị trường, luôn đổi mới sáng tạo, gây dựng được vị thế trên thị trường và tạo dựng niềm tin cho đối tác. Năm 2022, VBC đã gặt hái được những thành tựu nhất định. Về quy mô sản xuất, VBC đang thực hiện đầu tư máy móc, thiết bị nhà xưởng nhằm nâng cao sản lượng sản xuất, mở rộng quy mô nhà xưởng để đáp ứng chiến lược kinh doanh.

Chỉ tiêu	Đơn vị	2018	2019	2020	2021	2022
Kết quả hoạt động kinh doanh						
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	935.17	989.72	914.98	1026.87	995.45
Giá vốn hàng bán	Tỷ đồng	843.58	901.70	829.83	940.40	901.90
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	87.87	88.02	85.16	86.47	92.61
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	27.88	28.47	27.67	28.11	27.26
Bảng cân đối kế toán						
Tổng tài sản	Tỷ đồng	486.36	502.68	423.29	434.04	459.48
Vốn điều lệ	Nghìn Đồng	74,999,600	74,999,600	74,999,600	74,999,600	74,999,600
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	111.69	125.45	133.48	142.22	150.17
Nợ phải trả	Tỷ đồng	374.66	377.20	289.80	291.83	309.29
Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu						
Thu nhập trên vốn cổ phần (ROE)	%	25.80%	24.01%	21.37%	20.39%	18.65%
Thu nhập trên tổng tài sản (ROA)	%	6.15%	5.76%	5.98%	6.56%	6.10%
Chỉ tiêu cho một đơn vị cổ phiếu						
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành cuối kỳ	Cổ phiếu	7,499,960	7,499,960	7,499,960	7,499,960	7,499,960
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VNĐ	2,951	2,976	2,584	2,625	2,886

Trong năm 2022 công ty thường xuyên quan tâm thực hiện tốt công tác quản lý sử dụng tài sản, vật tư, tiền vốn tại công ty được thực hiện tương đối chặt chẽ, nguồn vốn kinh doanh được bảo toàn và phát huy có hiệu quả. Công tác thu hồi công nợ luôn được quan tâm, phối hợp thực hiện, công nợ của khách hàng được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, cuối năm tiến hành đối chiếu xác nhận nợ theo đúng quy định; các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập dự phòng đầy đủ.

Bên cạnh đó, Công ty thực hiện đầu tư tăng tài sản bao gồm các hạng mục như: Máy kéo sợi PP Stares 1600S, Máy nén khí (YMT37A), Máy xe chỉ may bao xi măng, Máy làm lạnh (KLSW-080S) , Máy dệt 6 thoi khổ nhỏ STALINGER ,... Và thanh lý tài sản theo Quyết định của HĐQT gồm: 01 Máy tạo sợi Sài gòn, 01 Xe Toyota Corolla và 01 xe nâng Komatsu; Nguyên giá tài sản thanh lý: 1.153.140.051 đồng, giá trị thu hồi 78 triệu đồng; Việc tổ chức thực hiện công tác đầu tư, mua sắm, thanh lý, quyết toán tài sản, đơn vị cơ bản chấp hành trình tự, thủ tục đầu tư theo quy định của Pháp luật và quy chế quản lý nội bộ;

Công tác quản lý định mức kinh tế kỹ thuật, tập hợp chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm được thực hiện tương đối chặt chẽ, phân bước theo từng công đoạn sản xuất; giá thành sản phẩm được tính đúng, tính đủ, không để sót chi phí, phù hợp với quy trình sản xuất; tăng cường công tác quản lý, sử dụng máy móc, thiết bị, vật tư, công cụ, dụng cụ; tiết kiệm chi phí, hạn chế những thất thoát lãng phí; sử dụng công nghệ phối trộn phụ gia, hạt tái chế để giảm giá thành sản phẩm;

2. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂM 2023

Phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu SXKD chính trong kế hoạch 2023 đã được Tổng công ty thông qua. Giữ vững ổn định về an ninh chính trị, an tâm tư tưởng, đảm bảo an toàn về tài sản, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ.

Chủ động đảm bảo nguyên liệu vật tư, lao động, thiết bị, công nghệ, thiết kế mẫu mã, quản lý chặt chẽ các định mức KTKT, chi phí phát sinh, duy trì ổn định chất lượng sản phẩm; tổ chức điều hành sản xuất đảm bảo tiến độ, đáp ứng yêu cầu của khách hàng.

Không ngừng tuyển dụng và đào tạo nguồn lao động mới tuyển dụng đáp ứng được nhu cầu sản xuất, tiêu thụ của đơn vị, nâng dần sản lượng, chất lượng sản phẩm đáp ứng nhu cầu của khách hàng. Góp phần nâng cao năng suất máy móc thiết bị đầu tư.

Tăng cường công tác quản lý, đào tạo nâng cao kiến thức cho người lao động về quy trình vận hành sử dụng thiết bị đặc biệt là hệ thống dây chuyền bao dán đáy; Nghiêm túc thực hiện chế độ công tác bảo dưỡng, sửa chữa theo kế hoạch đã xác định. Tăng cường áp

dụng, cải tiến MMTB; đổi mới, cải tiến công nghệ - kỹ thuật để bù đắp một phần do giá nguyên liệu tăng, giữ ổn định hiệu quả sản xuất.

Thường xuyên cập nhật sản lượng tiêu thụ sản phẩm để đối chiếu công nợ và nắm chắc thông tin khả năng tài chính của từng khách hàng, tận dụng các cơ hội để thu hồi nợ; tập trung quyết liệt thu hồi nợ ở các khách hàng chậm trả, nợ khó đòi, hạn chế tối đa các rủi ro về nợ. Quan tâm đảm bảo vốn cho sản xuất, đầu tư và thanh toán chế độ chính sách cho người lao động. Kiểm soát và quản lý hoạt động tài chính thực hiện theo đúng quy chế quy định, khắc phục dứt điểm những tồn tại, hạn chế sau mỗi lần thanh kiểm tra, kiểm toán.

Khai thác tối đa sản lượng các khách hàng truyền thống, tranh thủ tìm kiếm mở rộng các thị trường mới trong và ngoài nước. Phát triển thị trường bao dán đáy để bổ sung cho sản lượng thiếu hụt của bao xi măng. Thường xuyên kiểm tra chất lượng sản phẩm đáp ứng yêu cầu thị trường, nâng cao uy tín công ty trên thị trường trong nước và quốc tế.

D. **BÁO CÁO CỦA HỘI** **ĐỒNG QUẢN TRỊ**

- 1. Đánh giá của HĐQT về mọi mặt hoạt động của công ty**
- 2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của BGĐ**
- 3. Kế hoạch, định hướng của HĐQT**

1. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ MỌI MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Năm 2022 mặc dù dịch bệnh đã được kiểm soát tuy nhiên nền kinh tế sau dịch bệnh vẫn còn khó khăn đã ảnh hưởng trực tiếp đến việc sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của đơn vị nhưng HĐQT đã chỉ đạo, triển khai kế hoạch SXKD, tập trung giải quyết các vấn đề trọng tâm giúp Ban điều hành tổ chức hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Đặc biệt là đảm bảo việc làm, thu nhập ổn định cho người lao động.

Ngoài các phiên họp, HĐQT đã thông qua các quyết định theo phương thức lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản để chỉ đạo, giải quyết các vấn đề liên quan thuộc thẩm quyền của HĐQT. Đồng thời chỉ đạo, quản lý giám sát hoạt động của Ban điều hành trong việc thực thi các nghị quyết của ĐHCĐ và HĐQT.

HĐQT thường xuyên rà soát, kiểm tra việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban điều hành công ty, luôn đảm bảo việc vận hành, quản lý hoạt động SXKD đúng quy định pháp luật và quy chế quản trị nội bộ. Các thành viên HĐQT được phân công cụ thể theo từng lĩnh vực thuộc thẩm quyền để giám sát, chỉ đạo và đôn đốc Ban điều hành triển khai thực hiện nhiệm vụ sát với các nghị quyết, quyết định của HĐQT.

HĐQT thường xuyên rà soát, kiểm tra việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban điều hành công ty, luôn đảm bảo việc vận hành, quản lý hoạt động SXKD đúng quy định pháp luật và quy chế quản trị nội bộ. Các thành viên HĐQT được phân công cụ thể theo từng lĩnh vực thuộc thẩm quyền để giám sát, chỉ đạo và đôn đốc Ban điều hành triển khai thực hiện nhiệm vụ sát với các nghị quyết, quyết định của HĐQT.

Các báo cáo tình hình quản trị của Công ty trong năm 2022 được công bố thông tin đầy đủ, đúng thời hạn đến Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và trên trang thông tin của Công ty đúng quy định.

CÁC CHỈ TIÊU CHÍNH ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC

ĐVT: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	So sánh
1	Vốn điều lệ	74.999	74,999	100,0%
2	Sản lượng (triệu bao)	128.41	130,18	101,4%
3	Doanh thu và TN khác	1,029,662	998.851	97,0%
4	Lợi nhuận trước thuế	35,287	35.357	100,2%
5	Lợi nhuận sau thuế	28,112	27.261	96,97%
6	Lợi cơ bản /CP (đồng)	2,625	3.635	96,99%
7	Cổ tức (%)	18	18	100,0%
8	Thu nhập bq quân (đ/ng/th)	9,838,683	10.714.340	108,9%

Mặc dù còn gặp nhiều khó khăn do nền kinh tế trong và ngoài khu vực gặp nhiều biến động, khó khăn nhưng nhìn chung trong cả nhiệm kỳ công ty vẫn luôn hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch đề ra, đảm bảo công ăn việc làm và ổn định thu nhập cho người lao động; Cụ thể, trong nhiệm kỳ qua Công ty đã đầu tư tăng năng lực sản xuất và thay thế một số máy móc thiết bị đã sử dụng nhiều năm bị hư hỏng xuống cấp; tổng giá trị đầu tư là 21 tỷ đồng; Bên cạnh đó, Công ty đã thanh lý 01 Máy tạo sợi Sài gòn, 01 Xe Toyota Corolla và 01 xe nâng Komatsu theo Quyết định 480/QĐ-VBC của HĐQT với tổng giá trị thanh lý 1.153,14 triệu đồng. Giá trị thu hồi 78 triệu đồng.



2. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc:

Hội đồng quản trị ghi nhận những đóng góp và đánh giá cao nỗ lực của Ban Giám đốc trong công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh khi đối mặt với vô số những yếu tố bất lợi như dịch bệnh, thiên tai, thị trường cạnh tranh ngày càng gay gắt

Việc phối hợp hoạt động giữa HĐQT với Ban điều hành được thực hiện theo đúng quy định tại Điều lệ và Quy chế quản trị của Công ty. Việc điều hành SXKD của Ban điều hành không bị cản trở, việc giám sát của HĐQT, Ban kiểm soát được duy trì thường xuyên, chặt chẽ, đảm bảo các hoạt động của Công ty thực hiện đúng nội dung các nghị quyết, quyết định của HĐQT.

Định kỳ HĐQT thông qua Báo cáo tài chính và Kế hoạch SXKD hàng tháng, quý, 6 tháng, năm do Ban điều hành báo cáo. Định hướng công tác đảm bảo vốn, thu hồi công nợ, phát triển thị trường và công tác công nghệ chất lượng.

Trong năm 2022, Ban điều hành đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm báo cáo, giải trình, công bố thông tin về tình hình hoạt động kinh doanh đầy đủ, minh bạch. Ban điều hành đã tuân thủ các yêu cầu về trình, duyệt của HĐQT tại các cuộc họp định kỳ và đột xuất. Các hoạt động kinh doanh, nghiệp vụ hàng ngày được tuân thủ theo quy trình quản lý.



3. CÁC KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT NĂM 2023

Dự kiến năm 2023 giá cả nguyên vật liệu đầu vào biến động theo chiều hướng tăng, thị trường tiêu thụ sản phẩm luôn cạnh tranh cả về chất lượng, tiến độ, giá cả, cơ chế bán hàng... Vì vậy, sản lượng tiêu thụ của Công ty sẽ gặp không ít khó khăn. Những yêu cầu về chỉ tiêu, kế hoạch SXKD, công tác quản lý và đảm bảo việc làm, thu nhập cho người lao động là những thách thức lớn đang đặt ra cho Công ty. Trước những đặc điểm tình hình nêu trên, HĐQT xác định kế hoạch hoạt động năm 2023 như sau:

3.1. Tiếp tục phối hợp chặt chẽ với Ban kiểm soát, Ban điều hành trong quan hệ công tác vì lợi ích chung của công ty, của cổ đông với tinh thần trách nhiệm cao nhất và thường xuyên chủ động tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn; tuân thủ nghiêm túc các quy định có liên quan của Pháp luật, Điều lệ, Quy chế quản trị công ty. Duy trì chế độ họp định kỳ hàng quý và tổ chức lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản để chỉ đạo triển khai thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm và các nghị quyết trong năm 2023 kịp thời.

3.2. Bám sát chỉ tiêu kế hoạch và nhu cầu thị trường; Bám sát chỉ tiêu kế hoạch và nhu cầu thị trường tiêu thụ để ra nghị quyết triển khai thực hiện nhiệm vụ hàng quý, 06 tháng và năm hoặc trong từng trường hợp cụ thể phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu mà Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thông qua. Trong bối cảnh thị trường xuất hiện nhiều đối thủ cạnh tranh, Công ty đã triển khai các giải pháp phát triển sản xuất kinh doanh, giữ khách hàng, tăng doanh thu. Phân tích đối thủ cạnh tranh và xây dựng, lập phương án kinh doanh với chính sách, chất lượng sản phẩm tốt để thu hút khách hàng, mở rộng thị trường xuất khẩu. Tăng cường mạnh mẽ công tác Marketing, chăm sóc khách hàng, nghiên cứu sản phẩm mới, mở rộng phạm vi tiếp thị, quảng bá hình ảnh sản phẩm đến khách hàng trong và ngoài nước.

3.3 Phê duyệt và giao chỉ tiêu kế hoạch năm 2023. Phê duyệt sửa đổi, bổ sung hệ thống định mức KTKT, tổ chức biên chế và định biên Công ty năm 2023.

3.4 Chỉ đạo triển khai công tác đầu tư đảm bảo có hiệu quả, đúng tiến độ, đúng quy định của pháp luật. Tập trung đầu tư các hạng mục thiết yếu cần ưu tiên trước. Rà soát, sắp xếp các hạng mục theo mức độ ưu tiên về đầu tư, tập trung đẩy nhanh tiến độ thực hiện để sớm đưa vào phục vụ hoạt động sản xuất.

3.5 Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát Ban điều hành trong quản lý điều hành hoạt động SXKD, đầu tư xây dựng cơ bản, quản lý vốn, vật tư, tài sản Công ty theo các nghị quyết của HĐQT.

3.6 Xem xét, đánh giá việc tuân thủ, chấp hành các nội quy, quy chế, quy định do Công ty ban hành trong hoạt động thực tiễn và công tác triển khai thực hiện các nghị quyết.

E.

QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị
2. Ban kiểm soát
3. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong nhiệm kỳ qua, HĐQT chấp hành đầy đủ quy chế hoạt động, ngoài các phiên họp định kỳ, HĐQT thường xuyên bàn bạc, thảo luận, thống nhất qua các cuộc họp bất thường, qua trao đổi điện thoại, trực tuyến, lấy ý kiến bằng văn bản để kịp thời thông qua các vấn đề và ban hành các nghị quyết, quyết định về đầu tư, nhân sự, định hướng về sản xuất kinh doanh; ban hành và sửa đổi, bổ sung đầy đủ các quy chế về quản trị nội bộ, điều lệ công ty, tổ chức bộ máy... giúp cho Công ty hoạt động ngày càng quy củ, nề nếp.

Các cuộc họp của HĐQT

TT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Ngô Quang Việt	4	100%	
2	Ông Lê Xuân Thọ	4	100%	
3	Ông Phan Văn Toàn	4	100%	
4	Ông Nguyễn Trung Kiên	4	100%	
5	Bà Phạm Nguyệt Minh	4	100%	

Các nghị quyết và quyết định của HĐQT

TT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày tháng	Nội dung
1	55/QĐ-VBC	11/2	Về việc phê duyệt phương án đầu tư Máy nén khí và máy làm lạnh nước
2	67/QĐ-VBC	24/2	Về việc phê duyệt nhà cung cấp máy làm lạnh nước
3	82/NQ-VBC	02/3	Về việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thông qua NQ ĐHĐCĐ về việc sửa đổi mã ngành nghề KD
4	86/NQ-VBC	08/3	Về việc tổ chức Đại hội cổ đông thường niên 2022
5	172/NQ-HĐQT	04/5	Về việc bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2022-2027 và bổ nhiệm lại các chức danh quản lý công ty

TT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày tháng	Nội dung
6	178/QĐ-VBC	10/5	Về việc phê duyệt quyết toán đầu tư tài sản cố định tháng 5 năm 2022
7	182/NQ-HĐQT	11/5	Về việc chi trả cổ tức năm 2021 bằng tiền mặt
8	189/QĐ-VBC	13/5	Về việc bổ nhiệm lại chức vụ Giám Đốc Công ty
9	190/QĐ-VBC	13/5	Về việc bổ nhiệm lại chức vụ phó Giám Đốc Công ty
10	191/QĐ-VBC	13/5	Về việc bổ nhiệm lại chức vụ Kế toán trưởng Công ty
11	222/NQ-HĐQT	06/6	Về việc chi trả cổ tức năm 2021 bằng tiền mặt
12	240/NQ-HĐQT	16/6	Về việc thông qua vay vốn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam chi nhánh Nghệ An
13	249/QĐ-VBC	24/6	Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp máy móc thiết bị
14	312/QĐ-VBC	03/8	Vv ủy quyền cho người đại diện theo pháp luật của Công ty
15	371/QĐ-VBC	01/10	Vv Ban hành quy chế Quản lý Lao Động
16	372/QĐ-VBC	1/10	Vv Ban hành quy chế quản lý định mức lao động, tiền lương, tiền thưởng và thu nhập khác của người lao động
17	373/QĐ-VBC	1/10	Vv Ban hành quy chế Quản lý Tài chính
18	374/QĐ-VBC	1/10	Vv Ban hành quy chế Quản lý Công nợ
19	375/QĐ-VBC	1/10	Vv Ban hành quy chế Quản lý và sử dụng quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi và Quỹ thưởng viên chức quản lý
20	376/QĐ-VBC	1/10	Vv Ban hành quy chế và tiêu chuẩn sáng kiến và quy trình xét công nhận sáng kiến
21	377/QĐ-VBC	1/10	Vv Ban hành quy chế Công tác an toàn vệ sinh lao động
22	387/QĐ-VBC	10/10	Vv phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu cung cấp máy dệt 6 thoi
23	420/QĐ-VBC	03/11	Vv Bổ nhiệm chức vụ Phó Giám Đốc Công ty

2. BAN KIỂM SOÁT

Thành viên Ban Kiểm soát

STT	Họ Tên	Năm sinh	Chức vụ
Ban Kiểm Soát			
1	Ông Trần Ngọc Sâm	1969	Trưởng Ban kiểm soát
2	Bà Nguyễn Thị Minh Trang	1980	Thành viên Ban kiểm soát
3	Phạm Đỗ Huy Cường		Thành viên Ban kiểm soát

Các cuộc họp của Ban Kiểm soát

TT	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1	Ông Trần Ngọc Sâm	4	100	100	
2	Bà Nguyễn Thị Minh Trang	4	100	100	
3	Phạm Đỗ Huy Cường	4	100	100	

Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc, người đại diện vốn tại công ty

Qua quá trình giám sát, theo dõi các hoạt động quản trị, điều hành; Ban kiểm soát nhận thấy Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Người đại diện vốn tại công ty đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình, tuân thủ quy định của pháp luật, điều lệ, nội quy, quy chế đã ban hành, nội bộ đoàn kết thống nhất. Việc tổ chức triển khai thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ của Hội đồng quản trị và các nội dung kết luận của Tổng công ty Hợp tác kinh tế luôn được Công ty triển khai thực hiện nghiêm túc, đầy đủ, kịp thời;

Đánh giá của BKS về tồn tại và hạn chế

- Công tác thu hồi công nợ tuy đã có nhiều cố gắng nhưng công nợ phải thu vẫn còn cao, dư nợ cuối kỳ là 240,249 tỷ đồng; một số khách hàng chiếm dụng vốn gây quan ngại về rủi ro tài chính cho Công ty;
- Công tác kiểm soát chất lượng sản phẩm tuy đã được tăng cường nhưng đôi lúc vẫn còn sản phẩm không đạt chất lượng đi tiêu thụ ảnh hưởng đến thị trường và phát sinh chi phí khắc phục lỗi;
- Trong sản xuất còn xảy ra mất ATLĐ do vi phạm về vận hành thiết bị;

Đánh giá của BKS về tồn tại và hạn chế

- Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ giám sát việc tuân thủ và chấp hành các quy định của Pháp luật, Điều lệ, Nghị quyết của ĐHĐCĐ khi HĐQT, BDH thực thi nhiệm vụ; kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính thực tiễn và cẩn trọng trong hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư;
- Thẩm định Báo cáo tài chính theo định kỳ, kiểm tra tính chính xác, trung thực, hợp pháp của việc ghi chép, xử lý, luân chuyển và lưu trữ chứng từ, sổ sách kế toán;
- Tham gia các cuộc họp của HĐQT và một số cuộc họp khác của Công ty;
- Phối hợp chặt chẽ với HĐQT, BDH và các Phòng ban, Nhà máy khi triển khai thực thi nhiệm vụ theo kế hoạch;

3. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

Không có

F. **PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG**

- 1. Mục tiêu phát triển bền vững**
- 2. Đánh giá của Ban giám đốc**
- 3. Các chỉ tiêu phát triển bền vững**



Phát triển bền vững được xác định là một mục tiêu quan trọng của Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành Công ty. Ban lãnh đạo Công ty tin rằng phát triển bền vững xuất phát từ những nỗ lực hằng ngày của từng tế bào trong doanh nghiệp, phát triển doanh nghiệp là nhiệm vụ tối thượng, nhưng làm sao để luôn giữ được cái tối thượng đó thì đòi hỏi Ban lãnh đạo Công ty cần sáng suốt trong từng chiến lược, quyết tâm trong từng hành động. Trong chiến lược phát triển dài hạn của VBC, các mục tiêu về phát triển bền vững sẽ góp phần làm gia tăng giá trị doanh nghiệp, đồng thời đóng góp cho việc xây dựng một xã hội tốt đẹp, văn minh.

1. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

"Xuất phát từ mục tiêu cuối cùng mà Công ty hướng đến là sự phát triển bền vững, phát triển lâu dài ổn định gắn kết với mục tiêu xã hội của khu vực, quốc gia, Công ty cổ phần Nhựa bao bì Vĩnh không ngừng cố gắng nỗ lực gắn liền tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh với các hoạt động phát triển bền vững như luôn quan tâm đến khả năng tái sử dụng các nguồn nguyên liệu đầu vào, đảm bảo an toàn khi xả thải nước ra môi trường, luôn chú trọng trang bị đồ bảo hộ lao động cho người lao động hay có các hoạt động từ thiện chia sẻ đóng góp cho cộng đồng ở địa phương. Toàn thể ban lãnh đạo công ty luôn tâm niệm làm sao có thể vừa cân bằng hài hòa giữa phát triển kinh tế với phát triển bền vững vì chỉ khi có sự ủng hộ của cộng đồng thì doanh nghiệp mới có thể đi xa phát triển lâu bền trong mọi hoàn cảnh"



2. Đánh giá của Ban Giám đốc



Đánh giá các hoạt động liên quan đến môi trường

VBC luôn nỗ lực nhằm hạn chế ảnh hưởng tới môi trường trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của mình. VBC có bộ phận chuyên trách về môi trường, phụ trách theo dõi và giám sát tuân thủ về môi trường của Công ty. CBCNV thường xuyên được đào tạo, nhắc nhở về sử dụng năng lượng tiết kiệm, ..cũng như các quy định về vệ sinh môi trường, an toàn lao động, ngoài ra, Công ty thực hiện quan trắc môi trường đều đặn để kiểm soát hoạt động xả thải của mình.

Trong quá trình xây dựng và phát triển, Công ty luôn thực hiện nghiêm chỉnh pháp luật về Bảo vệ môi trường của Nhà nước, đồng thời duy trì áp dụng các biện pháp bảo vệ môi trường theo các chuẩn mực Nhà nước. Hệ thống quản lý môi trường tại nhà máy của VBC được tiến hành theo quy trình nghiêm ngặt giúp công ty quản lý và kiểm soát tốt hơn các mối nguy hại về môi trường, qua đó giảm thiểu rủi ro về môi trường của doanh nghiệp trong quá trình hoạt động.

Đối với việc chấp hành các quy định pháp luật về môi trường, nước mưa và nước thải sinh hoạt có hệ thống mương, máng để gom, xử lý và bể lắng lọc tại điểm xả cuối trước khi thải ra môi trường. Kết quả quan trắc hàng năm, nước thải đạt các chỉ số cho phép. Các chất thải rắn thông thường, phế liệu trong quá trình sản xuất được vận chuyển sang cơ sở 2 ở Khu Công nghiệp Gia Lách, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh để đưa vào tái chế, sử dụng. Còn chất thải nguy hại chủ yếu là dầu, mỡ cháy máy, giẻ lau bám dầu mỡ, bóng đèn hỏng, vỏ hộp đựng mực in... được đưa vào phân loại, bảo quản trong thùng phi và lưu giữ tại kho riêng. Hàng năm Công ty ký hợp đồng với đơn vị chức năng, bộ phận chuyên trách để vận chuyển, xử lý.



Đánh giá hoạt động liên quan đến cộng đồng- xã hội

VBC hiểu rằng, sự phát triển của Công ty góp phần tạo nên sự phát triển của địa phương, của xã hội; và ngược lại, sự ủng hộ của cộng đồng địa phương cũng chính là động lực để VBC nỗ lực hơn nữa. Công ty luôn tâm niệm rằng mọi hoạt động công ty đang thực hiện đều hướng tới mục tiêu phục vụ cuộc sống của cộng đồng tốt hơn. Do đó, công ty đã tổ chức một số hoạt động cộng đồng trong năm qua điển hình như: hăm gia đóng góp quỹ người nghèo với số tiền đóng góp lên tới 161.092.673 đồng



Đánh giá các hoạt động liên quan đến người lao động

Xác định con người là nhân tố cốt lõi thúc đẩy phát triển bền vững của doanh nghiệp nên ngay từ ngày đầu thành lập, VBC đã nỗ lực đem lại cho CBCNV môi trường làm việc tốt nhất, cơ hội phát triển năng lực đầy đủ nhất và một đời sống phong phú cả về vật chất và tinh thần.

Đảm bảo an toàn lao động cho CBCNV: CBCNV được trang bị dụng cụ bảo hộ lao động đạt tiêu chuẩn, được kiểm tra sức khỏe định kỳ hàng năm để hạn chế tối đa rủi ro cũng như phát hiện, điều trị kịp thời bệnh nghề nghiệp; Khu nhà văn phòng, nhà máy sản xuất được trang bị hệ thống chống cháy, báo cháy, bình chữa cháy, vòi nước... nhằm ứng phó kịp thời với các tình huống khẩn cấp.

Công tác chăm lo đời sống cho CBCNV: Người lao động tại công ty được tham gia đủ 3 loại bảo hiểm, gồm: bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cũng như quyền lợi về tiền lương, thưởng, chế độ nghỉ dưỡng. Công ty cũng chú trọng đến chất lượng các bữa ăn của công nhân tại nhà máy. Công ty thường xuyên có chương trình đào tạo người lao động giúp họ nâng cao tay nghề cũng như các chính sách lương thưởng nhằm khích lệ tinh thần làm việc của người lao động.

Cụ thể:

- Năm 2022 BCH công đoàn đã đề nghị Công ty hỗ trợ tiền tham quan nghỉ dưỡng nhân dịp lễ 30/4 và ngày Quốc tế Lao động 1/5 cho hơn 1.030 cán bộ, CNVC, lao động với tổng tiền hơn 1.751.000.000 đồng.

- Tặng quà gia đình đoàn viên, lao động có hoàn cảnh khó khăn, ốm đau, hiếu, hỉ với tổng số tiền gần 513 triệu đồng. Tổ chức cho 15 lao động có hoàn cảnh khó khăn tiếp nhận quà của Ban Công đoàn Quốc phòng và quà của Cục Chính trị Quân khu trao với số tiền 12,5 triệu đồng (quà của BCĐQP 10 triệu đồng, quà CCTQK 2,5 triệu đồng).

- BCH Công đoàn cơ sở thăm hỏi 05 lao động đặc biệt khó khăn và hỗ trợ 15 triệu đồng. Trích quỹ công đoàn thăm hỏi 580 lao động bị nhiễm Covid-19 với tổng số tiền 116 triệu đồng.

- Phân công cán bộ thăm và tặng quà các gia đình thân nhân liệt sỹ, thương bệnh binh nhân ngày 27/7 trên địa bàn đơn vị sản xuất với tổng số tiền 20.000.000 đồng; thăm hỏi động viên và trao quà cho 02 Đoàn viên là con liệt sỹ số tiền 2.000.000 đồng.

- Phối hợp với Hội phụ nữ tổ chức tặng quà cho các cháu thiếu nhi nhân ngày 1/6, tổ chức hoạt động trung thu và tặng quà học sinh giỏi các cấp cho các cháu nhân ngày tết trung thu 15/8 âm lịch với tổng số tiền quà là 261.500.000 đồng.



3. CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Nguồn nguyên vật liệu

Nguyên vật liệu chính của Công ty chủ yếu là, hạt nhựa PP, PE, giấy Kraft các loại. Để đảm bảo chất lượng sản phẩm cũng như giá thành sản xuất, Công ty luôn thực hiện lựa chọn cạnh tranh tìm kiếm nhà cung cấp nguyên vật liệu tốt nhất. Nguồn nguyên liệu của Công ty được nhập từ các Công ty cung ứng trong và ngoài nước trong những năm qua tương đối ổn định. Công ty quản lý nguồn nguyên vật liệu hợp lý, sử dụng tiết kiệm hiệu quả, vật liệu sản xuất được đưa vào tái chế vừa tiết kiệm vừa có lợi cho môi trường xã hội.

Tiêu thụ năng lượng

Nước: Nước dùng trong sản xuất là nước sạch. Nước thải sinh hoạt được Công ty xử lý bằng trạm xử thải tiên tiến, quy trình xử lý nước thải luôn được tuân thủ nghiêm ngặt, xử lý theo đúng quy định của Pháp luật về bảo vệ môi trường. Công ty kiểm soát tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng. Các biện pháp tiết kiệm nước được Công ty sử dụng:

- Sử dụng hệ thống nhà vệ sinh tiết kiệm nước (vòi xả tự ngắt, bồn xả tự động,...)
- Thường xuyên có những hoạt động kiểm tra nước rò rỉ và có những biện pháp xử lý kịp thời.
- Tái sử dụng nước cho các hoạt động khác của công ty, nhà máy.
- Không sử dụng nước bồn cầu vào những mục đích khác.

Điện: Công ty luôn quan tâm vấn đề tiêu thụ điện, tiết kiệm năng lượng và không ngừng tìm tòi, nghiên cứu để tìm ra các giải pháp tiết kiệm điện năng khả thi đồng thời nâng cao ý thức chấp hành của cán bộ công nhân viên cũng như đội ngũ lãnh đạo trong việc sử dụng tiết kiệm điện.

- VBC đã và đang cho lắp đặt , nâng cấp toàn bộ hệ thống chiếu sáng bằng các thiết bị tiết kiệm điện (bóng compact tiết kiệm, đèn chiếu sáng tự động bật tắt,...)
- Thiết kế văn phòng theo hướng tận dụng tối đa ánh sáng tự nhiên thay vì sử dụng hệ thống chiếu sáng.

- Quy định tắt toàn bộ hệ thống điện sau khi tan làm
- Định kỳ bảo dưỡng hệ thống nhằm duy trì hiệu suất tối đa cho hệ thống và tiết kiệm năng lượng.
- Duy trì mức nhiệt độ phù hợp 24-27 độ C, tránh chênh lệch quá nhiều với nhiệt độ bên ngoài, Tắt toàn bộ hệ thống điều hòa nhiệt độ sau 18:00, Quy định mở điều hòa không được mở cửa sổ.

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Công ty luôn thực hiện nghiêm chỉnh pháp luật về Bảo vệ môi trường của Nhà nước, đồng thời duy trì áp dụng các biện pháp bảo vệ môi trường theo các chuẩn mực Nhà nước. Hệ thống quản lý môi trường tại nhà máy của VBC được tiến hành theo quy trình nghiêm ngặt giúp công ty quản lý và kiểm soát tốt hơn các mối nguy hại về môi trường, qua đó giảm thiểu rủi ro về môi trường của doanh nghiệp trong quá trình hoạt động. Bên cạnh đó, Công ty luôn nghiên cứu tiềm năng của nguồn năng lượng tái tạo để đầu tư đồng thời giảm thiểu tác động xấu đến môi trường. Ngoài ra, Công ty có những chương trình kêu gọi CBCNV sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên, tiết kiệm

Chính sách liên quan đến người lao động

Lương thưởng:

Người lao động trong Công ty được hưởng lương theo hệ số. Hệ số lương được tính căn cứ theo trình độ, năng lực và hiệu quả công việc được giao. Công ty thường xuyên kiểm tra việc thực hiện các chế độ chính sách về tiền lương, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và nâng bậc lương theo niên hạn cho cán bộ công nhân viên. Ngoài những quyền lợi được quy định trong Luật lao động, người lao động trong Công ty còn được hưởng các đãi ngộ dưới các hình thức như du lịch, nghỉ mát, trợ cấp khi thai sản và ốm đau, trợ cấp khó khăn... Công ty có chính sách khen

thưởng xứng đáng với các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, có đóng góp sáng kiến về giải pháp kỹ thuật giúp đem lại hiệu quả kinh doanh cao, đồng thời áp dụng các biện pháp, quy định xử phạt đối với các công nhân viên có hành vi gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động, hình ảnh của Công ty

Chế độ và trợ cấp

Người lao động được hưởng các chế độ bồi dưỡng độc hại, các chế độ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, trang bị bảo hộ lao động được thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật hiện hành.

Trên cơ sở xếp loại lao động và căn cứ vào nguồn quỹ của Công ty định kỳ hàng quý, sáu tháng, năm người lao động được Công ty trích quỹ khen thưởng hoàn thành kế hoạch dựa theo kết quả xếp loại lao động trong kỳ đó.

Thực hiện đầy đủ các chế độ trợ cấp cho người lao động theo quy định của pháp luật.

Đào tạo và phát triển nhân viên:

Hàng năm Công ty tổ chức đào tạo tại chỗ cho số lao động đến kỳ hạn thi nâng bậc lương, tay nghề, bậc thợ. Ngoài ra, còn tổ chức đào tạo tay nghề cho người lao động trước khi điều chuyển vị trí công việc mới. Trong thời gian đào tạo người lao động không phải đóng bất cứ một khoản lệ phí nào, nhưng vẫn được hưởng chế độ Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, tiền lương, phụ cấp theo định mức quy định.

Trách nhiệm với cộng đồng

Công ty có các hoạt động đầu tư cộng đồng và phát triển cộng đồng như:

- Tổ chức thực hiện thu quỹ mái ấm công đoàn theo chương trình "1 tỉ đồng vì người nghèo" đạt 100% đối tượng, với số tiền 23.160.000 đồng.
- Thu nộp lên trên Quỹ đền ơn đáp nghĩa một ngày lương với số tiền là: 157.117.990 đồng.
- Phối hợp phổ biến, giáo dục chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về Kế hoạch hóa gia đình, HIV AIDS, ma túy.
- Trong năm 2021 đã chi hơn 1.941 triệu đồng chi phí phục vụ phòng chống Covid, trong đó chi ủng hộ cho công tác phòng chống Covid tại Huyện Nghi Xuân và Phường Bến Thủy 110 triệu đồng, nộp lên Tổng công ty ủng hộ nhân dân TP HCM và nhân dân địa bàn 166.877.773 đồng.



G.
BÁO CÁO TÀI
CHÍNH KIỂM TOÁN
NĂM 2022



BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

**CÔNG TY CỔ PHẦN
NHỰA, BAO BÌ VINH**

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	13 - 35

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa, Bao bì Vinh (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Nhựa, Bao bì Vinh tiền thân là nhà máy Nhựa Bao bì trực thuộc Công ty Hợp tác Kinh tế Quận 4 được cổ phần hóa theo Quyết định số 144/2002/QĐ-BQP ngày 10 tháng 10 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2703000092 ngày 03 tháng 01 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 06 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi về người đại diện theo pháp luật, thay đổi mã số doanh nghiệp và vốn điều lệ, trong đó thay đổi lần thứ 06 ngày 26 tháng 6 năm 2017

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
- Điện thoại : 0238 3855524
- Fax : 0238 3856007

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: In bao bì; Sản xuất, mua bán bao bì xi măng; Sản xuất, mua bán bao bì PP, PE và các sản phẩm bằng nhựa.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm
Ông Ngô Quang Việt	Chủ tịch	Ngày 28 tháng 4 năm 2022
Ông Nguyễn Trung Kiên	Ủy viên	Ngày 28 tháng 4 năm 2022
Bà Phạm Nguyệt Minh	Ủy viên	Ngày 28 tháng 4 năm 2022
Ông Lê Xuân Thọ	Ủy viên	Ngày 28 tháng 4 năm 2022
Ông Phan Văn Toàn	Ủy viên	Ngày 28 tháng 4 năm 2022

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm
Ông Trần Ngọc Sâm	Trưởng ban	Ngày 28 tháng 4 năm 2022
Ông Phạm Đỗ Huy Cường	Thành viên	Ngày 28 tháng 4 năm 2022
Bà Nguyễn Thị Minh Trang	Thành viên	Ngày 28 tháng 4 năm 2022

Ban điều hành

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Lê Xuân Thọ	Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 04 tháng 5 năm 2022
Ông Nguyễn Hữu Sơn	Phó Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 04 tháng 5 năm 2022
Ông Trương Đức Thành	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 11 năm 2022
Ông Phan Văn Toàn	Kế toán trưởng	Tái bổ nhiệm ngày 04 tháng 5 năm 2022

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Lê Xuân Thọ - Giám đốc (tái bổ nhiệm ngày 04 tháng 5 năm 2022).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Lê Xuân Thọ
Giám đốc

Ngày 15 tháng 02 năm 2023

Số: 2.0065/23/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Nhựa, Bao bì Vinh (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 15 tháng 02 năm 2023, từ trang 6 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nhựa, Bao bì Vinh tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được công ty kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về Báo cáo tài chính đó tại ngày 10 tháng 03 năm 2022.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Trần Kim Anh – Thành viên Ban Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1907-2023-008-1
Người được ủy quyền

Hà Nội, ngày 15 tháng 02 năm 2023

Phạm Quốc Huy - Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 4918-2019-008-1

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO VÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		371,253,831,671	348,915,978,513
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	2,523,473,029	446,301,484
1. Tiền	111		2,523,473,029	446,301,484
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		241,242,400,380	236,164,557,660
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	240,249,278,099	229,227,490,272
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	233,800,723	20,685,000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	877,636,075	6,999,202,551
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(118,314,519)	(82,820,163)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		125,927,764,378	109,768,729,289
1. Hàng tồn kho	141	V.6	125,927,764,378	109,768,729,289
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1,560,193,884	2,536,390,080
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	1,532,914,625	1,412,372,532
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	972,466,548
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.11	27,279,259	151,551,000
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO VÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		88,228,514,677	85,056,611,250
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		84,329,711,928	81,390,385,179
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	84,329,711,928	81,390,385,179
- Nguyên giá	222		288,167,095,890	268,831,963,453
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(203,837,383,962)	(187,441,578,274)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		3,898,802,749	3,666,226,071
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	3,898,802,749	3,666,226,071
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		459,482,346,348	433,972,589,763

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO VĨ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		309,295,748,754	291,756,457,391
I. Nợ ngắn hạn	310		305,248,306,342	284,764,433,520
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9	103,697,490,949	127,717,939,280
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.10	828,819,347	1,437,626,220
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	4,022,841,971	4,448,837,242
4. Phải trả người lao động	314		26,117,427,801	28,379,522,569
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	2,832,014,050	2,482,552,631
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	1,569,217,319	1,370,147,400
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14a	165,708,583,734	118,922,450,478
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.15	471,911,171	5,357,700
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		4,047,442,412	6,992,023,871
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14b	4,035,539,468	6,980,120,927
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Có phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		11,902,944	11,902,944

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO VĨ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		150,186,597,594	142,216,132,372
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	150,186,597,594	142,216,132,372
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		74,999,720,000	74,999,720,000
- Có phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		74,999,720,000	74,999,720,000
- Có phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1,449,994,545	1,449,994,545
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Có phiếu quỹ	415		(120,000)	(120,000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		46,475,296,752	37,654,468,404
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		27,261,706,297	28,112,069,423
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lấy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	28,112,069,423
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		27,261,706,297	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		459,482,346,348	433,972,589,763

Lập, ngày 15 tháng 02 năm 2023

Người lập biểu

Trần Thị Quê Lâm

Kế toán trưởng

Phan Văn Toàn



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO VĨ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

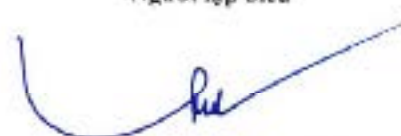
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	995,451,464,436	1,026,871,148,582
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	934,735,140	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		994,516,729,296	1,026,871,148,582
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	901,902,972,399	940,398,606,019
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		92,613,756,897	86,472,542,563
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	4,544,145,083	2,721,438,856
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	13,984,261,231	12,385,842,770
Trong đó: chi phí lãi vay	23		11,288,076,210	10,907,641,077
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	29,101,657,865	23,459,225,188
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	18,524,153,559	17,832,407,486
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		35,547,829,326	35,516,505,975
11. Thu nhập khác	31	VI.8	83,802,682	70,328,425
12. Chi phí khác	32	VI.9	274,328,161	300,277,575
13. Lợi nhuận khác	40		(190,525,479)	(229,949,150)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		35,357,303,846	35,286,556,826
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.11	8,095,597,549	7,174,487,403
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		27,261,706,297	28,112,069,423
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	2,886	2,976
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	2,886	2,976

Người lập biểu



Trần Thị Quế Lâm

Kế toán trưởng



Phan Văn Toàn

Lập, ngày 15 tháng 12 năm 2022



Lê Xuân Thọ

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO VĨ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		1,033,897,023,823	1,079,984,453,519
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(898,951,411,295)	(861,695,731,867)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(116,725,227,408)	(107,880,269,474)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(11,182,527,288)	(10,955,952,451)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	V.11	(9,197,282,963)	(4,388,428,780)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		19,646,369,632	901,636,874
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(28,208,514,797)	(57,485,133,663)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(10,721,570,298)	38,480,574,158
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(20,805,236,626)	(774,505,455)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		443,252,436	4,682,192
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(20,361,984,190)	(769,823,263)

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHI TIẾT	Mã Thuyết số minh	Năm nay	Năm trước
III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33 V.14	965,775,524,573	908,105,507,714
4. Tiền trả nợ gốc vay	34 V.14	(919,114,565,896)	(934,806,320,827)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36 V.16	(13,499,928,000)	(13,499,820,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	33,161,030,677	(40,200,633,113)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	2,077,476,189	(2,489,882,218)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60 V.1	446,301,484	2,936,211,418
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại	61	(304,644)	(27,716)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70 V.1	2,523,473,029	446,301,484

Lập, ngày 15 tháng 02 năm 2023

Người lập biểu

Trần Thị Quế Lâm

Kế toán trưởng

Phan Văn Toàn



Lê Xuân Thọ

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Nhựa, Bao bì Vinh (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: In bao bì; Sản xuất, mua bán bao bì xi măng; Sản xuất, mua bán bao bì PP, PE và các sản phẩm bằng nhựa.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có 1.010 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 1.036 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là Công cụ dụng cụ, chi phí sửa chữa tài sản cố định và tiền thuê đất trả trước. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa hao mòn

Chi phí hao mòn được phân bổ theo thời hạn của hợp đồng bảo hiểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 - 15
Máy móc và thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05
Tài sản cố định khác	02

8. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

9. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cầu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phân ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

10. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

11. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

12. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.
- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**13. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

14. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

17. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	82.667.703	214.751.039
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.440.805.326	231.550.445
Cộng	2.523.473.029	446.301.484

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	512.523.000
Công ty Cổ phần Nhựa bao bì An Vinh	-	512.523.000
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	240.249.278.099	228.714.967.272
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	35.616.358.486	37.109.728.106
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	33.961.841.818	30.093.675.904
Công ty TNHH Dầu tư Thương mại Xuân Thành	25.625.776.190	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thắng Group	20.015.997.480	23.268.850.000
Các khách hàng khác	125.029.304.125	138.242.713.262
Cộng	240.249.278.099	229.227.490.272

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Thu phí Tự động VETC	177.874.725	20.685.000
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Tài nguyên & Môi trường	47.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại và Công nghệ 3A	8.926.000	-
Cộng	233.800.725	20.685.000

4. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu tiền gửi	-	-	151.900.001	-
Tạm ứng	76.396.002	-	38.812.063	-
Ký cược, ký quỹ	-	-	6.000.000.000	-
Quỹ phúc lợi chi vượt nguồn	756.588.073	-	808.490.487	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	44.652.000	-	-	-
Cộng	877.636.075	-	6.999.202.551	-

5. Nợ xấu

Là khoản nợ phải thu Công ty Cổ phần Mía đường Nông Công về tiền hàng, khoản nợ này quá hạn trên 3 năm, giá gốc là 118.314.519 đồng, đã trích lập dự phòng 100%.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	174.900.000	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	55.548.882.609	-	48.684.329.930	-
Công cụ, dụng cụ	5.995.052.617	-	6.485.672.354	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	51.336.515.855	-	40.936.061.337	-
Thành phẩm	12.872.413.298	-	9.690.084.723	-
Hàng gửi đi bán	-	-	3.972.580.944	-
Cộng	125.927.764.378	-	109.768.729.289	-

7. Chi phí trả trước

7a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	982.782.185	1.026.175.373
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	295.529.750	201.286.500
Chi phí bảo hiểm	208.769.357	184.910.659
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	45.833.334	-
Cộng	1.532.914.625	1.412.372.532

7b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	937.790.466	788.602.229
Chi phí thuê đất ⁽¹⁾	2.483.297.594	2.593.259.111
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	445.131.356	263.184.731
Các chi phí trả trước dài hạn khác	32.583.333	21.180.000
Cộng	3.898.802.749	3.666.226.071

⁽¹⁾ Là tiền thuê đất nhà máy 2 tại khu công nghiệp Gia Lách, thị trấn Gia Lách, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh từ ngày 01/04/2011 đến ngày 01/08/2045, được bù trừ với tiền bồi thường giải phóng mặt bằng mà Công ty đã chi.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	56.212.577.085	197.977.176.427	13.815.162.798	776.757.143	50.290.000	268.831.963.453
Mua trong năm	903.522.429	19.584.750.060	-	-	-	20.488.272.489
Thanh lý, nhượng bán	-	(736.718.525)	(416.421.527)	-	-	(1.153.140.052)
Số cuối năm	57.116.099.514	216.825.207.962	13.398.741.271	776.757.143	50.290.000	288.167.095.890
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	25.919.377.592	73.161.888.563	9.858.895.817	776.757.143	50.290.000	109.767.209.115
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	40.182.954.433	133.563.967.583	12.867.609.115	776.757.143	50.290.000	187.441.578.274
Khấu hao trong năm	3.256.503.666	13.628.620.894	663.821.180	-	-	17.548.945.740
Thanh lý, nhượng bán	-	(736.718.525)	(416.421.527)	-	-	(1.153.140.052)
Số cuối năm	43.439.458.099	146.455.869.952	13.115.008.768	776.757.143	50.290.000	203.837.383.962
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	16.029.622.653	64.413.208.843	947.553.684	-	-	81.390.385.179
Số cuối năm	13.676.641.416	70.369.338.008	283.732.504	-	-	84.329.711.928
Trong đó:						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 36.249.756.521VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng.

9. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	406.884.000	5.225.100.000
Công ty Cổ phần An Thành Bicsol	-	4.692.600.000
Công ty Cổ phần Sông Đà Trường Sơn	406.884.000	532.500.000
Phải trả các nhà cung cấp khác	103.290.606.949	122.492.839.280
Công ty TNHH Đông á Bắc Ninh	19.106.942.420	21.587.982.430
Công ty TNHH MTV Marubeni Việt Nam	8.316.000.000	20.368.000.000
Công ty Cổ phần Stavian Hóa Chất	27.306.000.000	21.162.400.003
Công ty TNHH Minh Hoàng	9.053.989.981	8.907.327.735
Công ty TNHH Thành Dũng	11.379.303.496	8.879.556.180
Các nhà cung cấp khác	28.128.371.052	41.587.572.932
Cộng	103.697.490.949	127.717.939.280

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**10. Người mua trả tiền ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
PNG Taiheiyu Cement Ltd	-	444.920.000
Vienovo Philippines Inc	465.800.000	-
T Yingseng Co., Ltd	281.280.000	-
Các khách hàng khác	81.739.347	992.706.220
Cộng	828.819.347	1.437.626.220

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	510.016.363	-	510.016.363	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	10.381.979.164	(10.381.979.164)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	38.795.947	(38.795.947)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.430.955.707	-	8.095.597.549	(9.197.282.965)	3.329.270.291	-
Thuế thu nhập cá nhân	17.881.535	-	1.473.063.003	(1.307.389.221)	183.555.317	-
Tiền thuê đất	-	151.551.000	476.287.818	(352.016.077)	-	27.279.259
Lệ phí môn bài	-	-	4.000.000	(4.000.000)	-	-
Cộng	4.448.837.242	151.551.000	20.979.739.844	(21.281.463.374)	4.022.841.971	27.279.259

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng xuất khẩu là 0%, hàng tiêu thụ trong nước là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	35.357.195.847	35.286.556.826
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	606.814.089	585.880.190
- Các khoản điều chỉnh tăng	645.236.180	596.244.306
- Các khoản điều chỉnh giảm	(38.422.091)	(10.364.116)
Thu nhập tính thuế	35.964.009.937	35.872.437.016
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	7.192.801.987	7.174.487.403
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước theo biên bản thanh tra thuế	902.795.562	-
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	8.095.597.549	7.174.487.403

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế là 505.170.000 VND/năm cho diện tích 11.794,5 m². Tiền thuê đất nhà máy 2 tại khu công nghiệp Gia Lách, thị trấn Gia Lách, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh là 109.961.517 VND/năm được bù trừ với tiền bồi thường giải phóng mặt bằng mà Công ty đã chi ra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

12. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền lương phép, lương lễ, lương làm thêm giờ và lương năng suất	2.598.459.994	2.355.157.659
Chi phí lãi vay phải trả	188.554.056	82.394.972
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	45.000.000	45.000.000
Cộng	2.832.014.050	2.482.552.631

13. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	104.956.560	113.508.576
Phụ cấp HĐQT, BKS	104.956.560	113.508.576
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	1.464.260.759	1.256.638.824
Kinh phí công đoàn	1.271.870.759	1.254.220.802
Bảo hiểm xã hội	-	2.418.022
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	192.390.000	-
Cộng	1.569.217.319	1.370.147.400

14. Vay ngắn hạn/dài hạn**14a. Vay ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	140.653.914.370	83.770.031.114
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Nghệ An ⁽ⁱ⁾	72.114.405.666	23.827.021.774
Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Nghệ An ⁽ⁱⁱ⁾	45.736.340.504	53.489.659.340
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Vinh ⁽ⁱⁱⁱ⁾	22.803.168.200	6.453.350.000
Vay ngắn hạn các cá nhân ^(iv)	14.192.000.000	31.842.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V14b)	10.862.669.364	3.310.419.364
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Nghệ An	1.182.400.000	1.182.400.000
Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Nghệ An	2.128.019.364	2.128.019.364
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Vinh	7.552.250.000	-
Cộng	165.708.583.734	118.922.450.478

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay không quá 4 tháng.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Nghệ An để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay không quá 6 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản một số máy móc thiết bị và đảm bảo bằng các khoản phải thu luân chuyển, hàng tồn kho luân chuyển.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Vinh để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay không quá 5 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng hóa, tài sản gắn liền với đất và máy móc thiết bị theo hợp đồng thế chấp.
- (iv) Vay không có tài sản đảm bảo các cá nhân để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất 7%/năm, thời hạn cho vay dưới 12 tháng.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Vay ngắn hạn ngân hàng	Vay ngắn hạn các cá nhân	Vay dài hạn đến hạn trả	Cộng
Số đầu năm	83.770.031.114	31.842.000.000	3.310.419.364	118.922.450.478
Số tiền vay phát sinh trong năm	935.725.971.629	12.150.000.000	-	947.875.971.629
Kết chuyển từ vay dài hạn	-	-	10.862.669.364	10.862.669.364
Số tiền vay đã trả trong năm	(877.259.247.733)	(29.800.000.000)	(3.310.419.364)	(910.369.667.097)
Chênh lệch do đánh giá lại khoản vay có gốc ngoại tệ cuối năm	(133.616.401)	-	-	(133.616.401)
Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	(1.449.224.239)	-	-	(1.449.224.239)
Cộng	140.653.914.370	14.192.000.000	10.862.669.364	165.708.583.734

14b. Vay dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An ⁽ⁱ⁾	2.069.200.000	3.251.600.000
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Nghệ An ⁽ⁱⁱ⁾	1.600.501.563	3.728.520.927
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Vinh ⁽ⁱⁱⁱ⁾	365.837.905	-
Cộng	4.035.539.468	6.980.120.927

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An để mua máy móc thiết bị với lãi suất thả nổi, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả hàng quý. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản gắn liền với đất và máy móc thiết bị theo hợp đồng thế chấp.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An để mua tài sản cố định với lãi suất thả nổi, thời hạn vay 48 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả hàng quý, thanh toán lần đầu vào ngày 25 tháng 01 năm 2018. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định hình thành từ vốn vay.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Vinh ("Vietin Bank") để mua máy móc thiết bị sản xuất ban bị dân đầy với lãi suất thả nổi, thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày nhận nợ. Số tiền vay được hoàn trả hàng quý. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp máy móc thiết bị theo hợp đồng thế chấp.
- Theo văn bản thỏa thuận số 01/VBTT ngày 01/07/2021, Vietin Bank đã thanh toán giá trị máy móc thiết bị trên theo hình thức thanh toán quốc tế Upas L/C, số tiền 684.320 EUR, mức phí phát hành L/C 2%, phí tài trợ Upas L/C 2,2%. Sau 5 tháng kể từ ngày Vietin Bank giải ngân theo hình thức Upas L/C, Công ty sẽ nhận nợ vay với Vietin Bank tương ứng từng đợt giải ngân.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	10.862.669.364	3.310.419.364
Trên 1 năm đến 5 năm	4.035.539.468	6.980.120.927
Cộng	14.898.208.832	10.290.540.291

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	6.980.120.927	12.626.933.966
Số tiền vay phát sinh	17.899.552.944	-
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(10.862.669.364)	(3.991.603.357)
Số tiền vay đã trả trong năm	(8.744.898.799)	-
Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	(1.236.566.240)	-
Số cuối năm	4.035.539.468	8.635.330.609

15. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	5.357.700	1.405.603.471	(939.050.000)	471.911.171
Quỹ phúc lợi	(808.490.487)	4.216.702.414	(4.164.800.000)	(756.588.073)
Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành	-	169.007.190	(169.007.190)	-
Cộng	(803.132.787)	5.791.313.075	(5.272.857.190)	(284.676.902)

Quỹ phúc lợi chi vượt nguồn được trình bày ở khoản mục "Các khoản phải thu ngắn hạn khác" (xem thuyết minh số V.4)

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**16. Vốn chủ sở hữu****16a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	74.999.720.000	1.449.994.545	(120.000)	29.364.244.491	27.668.889.439	133.482.728.475
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	28.112.069.423	28.112.069.423
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	8.290.223.913	(8.290.223.913)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(5.667.627.776)	(5.667.627.776)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(13.499.820.000)	(13.499.820.000)
Thưởng ban quản lý, điều hành	-	-	-	-	(211.217.750)	(211.217.750)
Số dư cuối năm trước	74.999.720.000	1.449.994.545	(120.000)	37.654.468.404	28.112.069.423	142.216.132.372
Số dư đầu năm nay	74.999.720.000	1.449.994.545	(120.000)	37.654.468.404	28.112.069.423	142.216.132.372
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	27.261.706.297	27.261.706.297
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	8.820.828.348	(8.820.828.348)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(5.622.305.885)	(5.622.305.885)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(13.499.928.000)	(13.499.928.000)
Thưởng ban quản lý, điều hành	-	-	-	-	(169.007.190)	(169.007.190)
Số dư cuối năm nay	74.999.720.000	1.449.994.545	(120.000)	46.475.296.752	27.261.706.297	150.186.597.594

16b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng công ty Hợp tác kinh tế	38.219.320.000	38.219.320.000
Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh	26.133.190.000	26.133.190.000
Các cổ đông khác	10.647.210.000	10.647.210.000
Cộng	74.999.720.000	74.999.720.000

16c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.499.972	7.499.972
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	7.499.972	7.499.972
- Cổ phiếu phổ thông	7.499.972	7.499.972
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(12)	(12)
- Cổ phiếu phổ thông	(12)	(12)
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.499.960	7.499.960
- Cổ phiếu phổ thông	7.499.960	7.499.960
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**16d. Phân phối lợi nhuận**

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2022 số 161/NQ-DHĐCD ngày 28 tháng 4 năm 2022 như sau:

	VND
• Chia cổ tức cho các cổ đông (18%/vốn điều lệ)	13.499.820.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển	8.820.828.348
• Trích quỹ khen thưởng	1.405.603.471
• Trích quỹ phúc lợi	4.216.702.414
• Trích quỹ thưởng Ban điều hành quản lý	169.007.190

17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**17a. Ngoại tệ các loại**

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền bao gồm 14.603,19 USD (số đầu năm là 1.846,18 USD).

17b. Nợ khó đòi đã xử lý

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Trường Yên	258.997.370	258.997.370
Công ty Cổ phần Bình Định Constrexim	232.470.000	232.470.000
Cộng	491.467.370	491.467.370

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ	36.853.363.126	86.498.461.153
Doanh thu bán thành phẩm và nửa thành phẩm	958.598.101.310	940.372.687.429
Cộng	995.451.464.436	1.026.871.148.582

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần An Tiến Industries		
Doanh thu bán thành phẩm	451.520.000	735.100.000
Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì An Vinh		
Doanh thu bán thành phẩm	2.220.318.200	910.080.000
Công ty Cổ phần nhựa An Phát Xanh		
Doanh thu bán thành phẩm	-	186.732.000

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Là khoản hàng bán bị trả lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**3. Giá vốn hàng bán**

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ đã bán	34.939.291.137	82.296.399.644
Giá vốn của thành phẩm, nửa thành phẩm đã bán	866.963.681.262	858.102.206.375
Cộng	901.902.972.399	940.398.606.019

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	149.252.437	4.682.192
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	142.099.998	151.900.001
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	4.252.792.648	2.564.856.663
Cộng	4.544.145.083	2.721.438.856

5. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	11.288.076.210	10.907.641.077
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	2.114.827.927	1.034.276.692
Lỗ chênh lệch tỷ giá đo đánh giá lại khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	92.723.970	260.967.895
Phí Upas L/C	98.634.844	126.751.819
Chi phí tài chính khác	389.998.280	56.205.287
Cộng	13.984.261.231	12.385.842.770

6. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	1.416.162.342	1.438.551.160
Chi phí vật liệu, bao bì	3.624.488.929	2.343.041.063
Chi phí khấu hao tài sản cố định	338.827.750	340.490.622
Chi phí vận chuyển	20.762.040.856	17.287.579.411
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.550.316.198	1.358.734.876
Các chi phí khác	1.409.821.790	690.828.056
Cộng	29.101.657.865	23.459.225.188

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	8.969.844.952	8.711.520.361
Chi phí vật liệu quản lý	702.074.659	361.335.013
Chi phí đồ dùng văn phòng	343.703.997	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	242.719.992	294.328.887
Thuế, phí và lệ phí	7.961.581	474.633.984
(Hoàn nhập)/Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	35.494.356	(248.514.997)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	874.450.181	840.569.718
Các chi phí khác	7.347.903.841	7.398.534.520
Cộng	18.524.153.559	17.832.407.486

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**8. Thu nhập khác**

	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư	78.000.000	-
Lãi thanh lý, nhượng bán công cụ dụng cụ	-	46.907.850
Thu nhập khác	5.802.682	23.420.575
Cộng	83.802.682	70.328.425

9. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Phạt vô bao hàng rách vỡ	165.883.310	236.089.357
Thuế bị phạt	108.436.580	2.256.602
Chi phí dừng dự án NM 04	-	20.700.000
Chi phí khác	8.271	41.231.615
Cộng	274.328.161	300.277.575

10. Lãi trên cổ phiếu**10a. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	27.261.706.298	28.112.069.423
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và thưởng Ban điều hành quản lý (*)	(5.616.131.412)	(5.791.313.075)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	21.645.574.886	22.320.756.348
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	7.499.960	7.499.960
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	2.886	2.976

(*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi và thưởng Ban điều hành năm nay được tạm tính căn cứ vào tỷ lệ trích quỹ năm 2021 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2022 số 161/NQ-ĐHDCĐ ngày 28 tháng 4 năm 2022.

10b. Thông tin khác

Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu năm trước được tính toán lại do trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và thưởng Ban điều hành căn cứ vào tỷ lệ trích quỹ của Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2022. Việc tính toán lại này làm cho lãi cơ bản/suy giảm năm trước tăng từ 2.625 VND lên 2.976 VND.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	707.977.185.514	649.758.009.204
Chi phí nhân công	134.913.900.446	131.814.762.601
Chi phí khấu hao tài sản cố định	17.548.945.740	17.965.182.763
Chi phí dịch vụ mua ngoài	52.724.939.748	63.480.138.054
Chi phí khác	11.143.664.386	9.989.781.063
Cộng	924.308.635.834	873.007.873.685

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.13.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và Ban Kiểm soát

	Chức vụ	Tiền lương	Thù lao, thưởng	Cộng thu nhập
Năm nay				
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc				
Ông Ngô Quang Việt	Chủ tịch	-	76.377.600	76.377.600
Ông Lê Xuân Thọ	Thành viên/ Giám đốc	374.400.000	57.283.200	431.683.200
Ông Phan Văn Toàn	Thành viên HĐQT/ Kế toán trưởng	297.360.000	57.283.200	354.643.200
Ông Nguyễn Trung Kiên	Thành viên HĐQT	-	57.283.200	57.283.200
Ông Phạm Nguyệt Minh	Thành viên HĐQT	-	57.283.200	57.283.200
Ông Nguyễn Hữu Sơn	Phó Giám đốc	328.440.000	-	328.440.000
Ông Trương Đắc Thành	Phó Giám đốc	54.740.000	-	54.740.000
Ban kiểm soát				
Ông Trần Ngọc Sâm	Trưởng ban	297.360.000	-	297.360.000
Ông Phạm Đỗ Huy Cường	Thành viên	-	45.496.080	45.496.080
Bà Nguyễn Thị Minh Trang	Thành viên	-	45.496.080	45.496.080
Cộng		1.352.300.000	396.502.560	1.748.802.560

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Chức vụ	Tiền lương	Thù lao, thưởng	Cộng thu nhập
Năm trước				
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc				
Ông Ngô Quang Việt	Chủ tịch	-	78.024.960	78.024.960
Ông Lê Xuân Thọ	Thành viên/ Giám đốc	374.400.000	58.518.720	432.918.720
Ông Phan Văn Toàn	Thành viên HĐQT/ Kế toán trưởng	297.360.000	58.518.720	355.878.720
Ông Nguyễn Trung Kiên	Thành viên HĐQT	-	58.518.720	58.518.720
Ông Phạm Nguyệt Minh	Thành viên HĐQT	-	58.518.720	58.518.720
Ông Nguyễn Hữu Sơn	Phó Giám đốc	328.440.000	-	328.440.000
Ban kiểm soát				
Ông Trần Ngọc Sâm	Trưởng ban	297.360.000	-	297.360.000
Ông Đinh Xuân Cường		-	15.492.456	15.492.456
Ông Phạm Đỗ Huy Cường	Thành viên	-	30.984.912	30.984.912
Bà Nguyễn Thị Minh Trang	Thành viên	-	46.477.368	46.477.368
Cộng		1.297.560.000	405.054.576	1.702.614.576

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Tổng Công ty Hợp tác kinh tế	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Sông Đà Trường Sơn	Công ty con cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần An Tiến Industry	Công ty con của Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần An Thành Bicsol Pte Ltd	Công ty con của Cổ đông lớn
An Thanh Bicsol Singapore	Công ty con của Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần nhựa bao bì An Vinh	Công ty con của Cổ đông lớn

Giao dịch với các bên liên quan khác:

Ngoài các giao dịch phát sinh với các bên liên quan đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
An Thanh Bicsol Singapore Pte., Ltd		
Mua nguyên vật liệu	20.037.804.706	-
Công ty Cổ phần An Thành Bicsol		
Mua nguyên vật liệu	7.861.149.454	5.793.715.455
Công ty Cổ phần Sông Đà Trường Sơn		
Mua nguyên vật liệu	858.247.228	1.271.727.271
Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh		
Mua nguyên vật liệu	-	88.952.727
Công ty Cổ phần nhựa bao bì An Vinh		
Mua nguyên vật liệu	79.500.000	1.050.000

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*Công nợ với các bên liên quan khác*

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.2 và V.9.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

2a. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực trong nước và khu vực nước ngoài.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng của Công ty như sau:

	Khu vực trong nước	Khu vực nước ngoài	Cộng
Năm nay			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	776.024.935.952	218.491.793.344	994.516.729.296
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	776.024.935.952	218.491.793.344	994.516.729.296
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	42.592.468.317	20.919.630.715	63.512.099.032
Các chi phí không phân bổ theo bộ phần			(18.524.153.559)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			44.987.945.473
Doanh thu hoạt động tài chính			4.544.145.083
Chi phí tài chính			(13.984.261.231)
Thu nhập khác			83.802.682
Chi phí khác			(274.328.161)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(8.095.597.549)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			27.261.706.298
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	-	21.721.206.631
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	14.474.087.170	4.075.216.035	18.549.303.205
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Khu vực trong nước	Khu vực nước ngoài	Cộng
Năm trước			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	820.347.792.094	206.523.356.488	1.026.871.148.582
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	820.347.792.094	206.523.356.488	1.026.871.148.582
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	25.096.576.149	37.916.741.226	63.013.317.375
Các chi phí không phân bổ theo bộ phần			(17.832.407.486)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			45.180.909.889
Doanh thu hoạt động tài chính			2.721.438.856
Chi phí tài chính			(12.385.842.770)
Thu nhập khác			70.328.425
Chi phí khác			(300.277.575)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(7.174.487.403)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			28.112.069.423
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	-	844.656.000
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	17.434.475.534	4.389.146.214	21.823.621.748
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng của Công ty như sau:

	Khu vực trong nước	Khu vực nước ngoài	Cộng
Số cuối năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	221.658.592.029	18.590.686.070	240.249.278.099
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			219.233.068.249
Tổng tài sản			459.482.346.348
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	14.150.400	814.668.947	828.819.347
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			308.466.929.407
Tổng nợ phải trả			309.295.748.754
Số đầu năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	208.147.482.266	21.080.008.006	229.227.490.272
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			204.745.099.491
Tổng tài sản			433.972.589.763
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	62.150.400	1.375.475.820	1.437.626.220
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			290.318.831.171
Tổng nợ phải trả			291.756.457.391

5a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động của Công ty chỉ nằm trong một lĩnh vực kinh doanh là bao bì và vật tư bao bì.

6. Số liệu so sánh

Số đầu năm trên Bảng cân đối kế toán được trình bày lại các chỉ tiêu sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	-	972.466.548	972.466.548 (i)
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	1.124.017.548	(972.466.548)	151.551.000 (i)
Phải thu ngắn hạn khác	136	7.067.812.064	(68.609.513)	6.999.202.551 (ii)
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	73.967.213	(68.609.513)	5.357.700 (ii)

(i) Trình bày lại Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ, số tiền: 972.466.548 VND;

(ii) Trình bày lại số chi quá quỹ phúc lợi, số tiền: 68.609.513 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**7. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Lập, ngày 15 tháng 02 năm 2023

Người lập biểu



Trần Thị Quốc Lâm

Kế toán trưởng



Phan Văn Toàn

Giám đốc



Lê Xuân Thọ